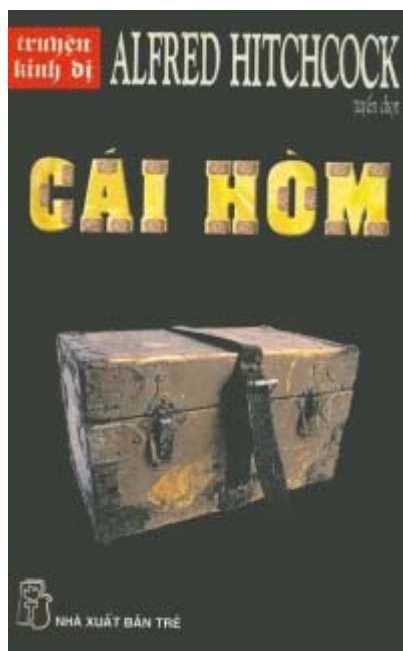




Edgar Allan Poe & Ray Bradbury

Cái Hòm

MỤC LỤC

Cái Hòm
Ma Gió
Giá Của Cái Đầu
Quỷ Biển

Alfred Hitchcock tuyển chọn

Cái Hòm

Edgar Allan Poe

Dịch giả: Trịnh Huy Hóa

Vài năm trước tôi có việc phải đi từ Charleston Anh quốc đến New York ở Hoa Kỳ. Tôi đặt chỗ trên con tàu thư tín "Independence", một chiếc tàu tuyệt vời do Thuyền trưởng Hardy chỉ huy. Theo lịch trình, chúng tôi sẽ nhổ neo vào ngày 15 tháng 6, thời tiết lúc này đang rất thuận lợi. Và thế là vào ngày 14, tôi bước chân lên boong tàu để thu xếp chuyện buồng ở cho mình trong chuyến đi.

Nhìn vào danh sách, tôi thấy số hành khách đi chuyến này cũng không ít, trong đó số hành khách là các quý bà quý cô có vẻ nhiều hơn bình thường. Trong danh sách có vài người tôi quen, và tôi rất mừng khi nhìn thấy cái tên Cornelius Wyatt, một họa sĩ trẻ mà giữa chúng tôi từng có nhiều kỷ niệm rất dễ chịu. Anh với tôi là bạn cùng lớp ở Đại học C., và chúng tôi vốn rất thân thiết với nhau. Anh có tính khí thường thấy ở các thiên tài, một sự kết hợp của tính khinh người, sự nhạy cảm và lòng nhiệt tình. Thêm vào cho những phẩm chất này, anh còn là một người có trái tim nồng nhiệt và trung thành nhất mà tôi từng biết.

Tôi thấy tên của anh được đăng ký cho ba buồng trên tàu, hai buồng chính và một buồng phụ, và nhìn vào danh sách hành khách tôi mới biết anh đặt chỗ cho anh cùng với cô vợ mới cưới và hai cô em gái của anh. Buồng ở cho khách ở trên tàu này cũng khá rộng, mỗi buồng có hai giường ngủ chồng lên nhau. Giường ngủ trên tàu chắc chắn là khá hẹp vì chỉ dành cho một người; nhưng, điều khiến tôi lấy làm lạ là tại sao lại phải có những ba buồng cho bốn người này. Hồi đó tôi là một trong số những kẻ hay tọc mạch những chuyện riêng của người khác, một thói xấu làm cho người ta trở nên tò mò khác thường với những chuyện vặt vãnh không đâu. Và tôi phải xấu hổ mà thú nhận rằng lúc đó tôi cứ mãi loay hoay với những phỏng đoán xấu thói và hết sức ngớ ngẩn về vấn đề số buồng quá nhiều này. Rõ ràng đó đâu phải là việc của tôi; nhưng chẳng qua chỉ tại cái tính ngang ngạnh cố chấp mà tôi đâm ra ép mình phải giải đáp điều bí ẩn này. Cuối cùng tôi đi đến một kết luận rất đơn giản, một kết luận khiến tôi phải ngạc nhiên là tại sao tôi lại không đoán ra ngay cơ chứ. "Buồng đó dành cho người hầu, dĩ nhiên là như thế rồi" tôi tự nhủ, "mình ngốc thế, sao lại không nghĩ ra sớm chứ!" Và rồi tôi nhìn lại bản danh sách - nhưng trong danh sách tôi thấy rõ là không có người hầu đi cùng trong nhóm người này: mặc dù thoát đầu trong đó có ghi "và người hầu", nhưng sau đó nó đã được gạch đi. "Ồ, chắc là có thêm hành lý, hẳn thế". Bấy giờ tôi mới tự nhủ - "có thứ gì đó mà anh không muốn để ở khoang hành lý nhỉ, một thứ gì đó mà anh muốn lúc nào cũng để mắt đến. À, mình nghĩ ra rồi, một bức tranh hay thứ gì đó tương tự, và đó là thứ mà anh đã thương lượng với Nicolino, gã người Ý gốc Do Thái". Ý nghĩ này làm tôi thỏa mãn, và trí tò mò của tôi cũng tạm thời được xoa dịu.

Tôi biết rất rõ hai cô em gái của Wyatt, đó là những cô gái hết sức dễ thương và thông minh. Còn cô vợ mới cưới của anh thì tôi chưa từng biết mặt. Nhưng anh vẫn thường kể cho tôi nghe về nàng bằng những lời lẽ hết sức cuồng nhiệt. Anh miêu tả nàng như một người phụ nữ có sắc đẹp khác thường, rất hóm hỉnh và rất có tài. Vì thế lẽ dĩ nhiên là tôi vô cùng hồi hộp chờ đợi giây phút được làm quen.

Vào cái ngày tôi đến đăng ký buồng (ngày 14) thì Wyatt và bầu đoàn thể từ cũng sẽ đến - ông thuyền trưởng đã báo cho tôi biết thế. Vì vậy tôi cố nấn ná chờ trên boong cả giờ đồng hồ, hy vọng sẽ được giới thiệu với cô dâu mới; nhưng thay vì thế là một lời xin lỗi được chuyển đến. "Bà Wyatt hơi khó ở, vì thế sẽ chỉ lên tàu vào ngày mai, trước khi tàu nhổ neo".

Sáng hôm sau, tôi đang sửa soạn rời khách sạn để ra cầu tàu thì Thuyền trưởng Hardy cho người đến gặp tôi và bảo rằng "Vì hoàn cảnh đặc biệt" (một cách nói ngớ ngẩn nhưng khá tiện lợi), "nên con tàu Independence không thể ra khơi trong một hai ngày tới. Khi nào mọi việc đã thu xếp xong, ông sẽ cho người đến báo cho tôi ngay". Tôi nghĩ chuyện này hơi lạ lùng, vì lúc này là đang thời điểm có gió nam; nhưng 'hoàn cảnh đặc biệt' là gì thì ông không cho tôi biết, mặc dù tôi đã rất cố gắng để gắng hỏi. Vậy là tôi chẳng còn biết làm gì khác ngoài việc quay về khách sạn ngồi chờ.

Trong gần một tuần lễ tôi không nhận được tin tức gì từ thuyền trưởng. Cuối cùng rồi cũng có thông báo mà tôi vẫn chờ đợi, và tôi lập tức lên tàu. Có khá đông hành khách tụ tập trên boong, và mọi thứ huyền ảo lộn xộn như vẫn thường thấy mỗi khi tàu nhổ neo. Bầu đoàn nhà Wyatt lên tàu chỉ sau tôi chừng mười lăm phút. Có hai cô em, cô dâu mới và chàng họa sĩ - anh chàng mang cái vẻ mặt lạnh lùng u ám quen thuộc. Anh

thậm chí không buồn giới thiệu tôi với cô vợ mới cưới, mà đùn nghi thức này cho cô em gái Marian - một cô gái rất dễ thương và rất thông minh - cô ta giới thiệu hai chúng tôi với nhau bằng vài lời vội vàng.

Cô vợ mới của Wyatt choàng tấm khăn voan che kín mặt; và khi nàng nâng khăn lên để đáp lại lời chào của tôi, thì phải thú nhận là tôi vô cùng sửng sốt. Có lẽ tôi đã kỳ vọng quá nhiều, tuy kinh nghiệm trường đời dù chưa nhiều nhận gì cũng đã cảnh cáo tôi chớ có quá ngây thơ tin tưởng vào những lời miêu tả cuồng nhiệt của anh bạn tôi, nhất là khi anh ta đang yêu mê mẩn. Còn nói về sắc đẹp, thì tôi đã quá rành anh ta có thể bốc đồng và cao hứng đến cỡ nào trong cái lĩnh vực chỉ toàn là những ảo tưởng thuần túy này.

Sự thực thì tôi không thể không coi bà Wyatt như một người đàn bà không được ưa nhìn cho lắm. Nàng không đến nỗi xấu quá, nhưng tôi nghĩ bảo nàng khá xấu thì cũng không quá xa sự thật bao nhiêu. Nhưng được cái nàng ăn mặc rất trang nhã - và rồi tôi không nghi ngờ gì, chắc chắn là nàng đã cầm tù trái tim tội nghiệp của anh bạn tôi bằng những vẻ đẹp bên trong, vĩnh cửu hơn của nàng - đó là trí tuệ và tâm hồn. Nàng chỉ nói với tôi vài lời ngắn ngủi rồi lập tức đi vào buồng cùng với ông chồng.

Trí tò mò của tôi lúc này lại quay trở lại. Không có người hầu - đó là điều dứt khoát. Do đó tôi tìm hiểu đồng hành lý. Chẳng bao lâu sau một chiếc xe ngựa chạy vào cầu cảng chở theo một chiếc hòm dài bằng gỗ thông với ba ổ khóa to tướng, có vẻ đó chính là thứ mà tôi chờ đợi. Ngay sau khi chiếc hòm được mang lên boong thì con tàu lập tức nhổ neo. Chẳng mấy chốc nó đã an toàn vòng qua kè chắn sóng và thẳng đường ra biển khơi.

Vấn đề của cái hòm, như tôi đã nói, là nó khá dài. Nó dài chừng hai mét, rộng một mét và cao chừng sáu tấc. Tôi đã quan sát nó rất chăm chú, kích thước chính xác là như vậy. Hình dáng cái hòm đúng là đặc biệt; và ngay khi nhìn thấy nó, tôi đã biết phỏng đoán của tôi là chính xác. Tôi đi đến kết luận rằng thứ hành lý đặc biệt mang theo của anh bạn tôi - một họa sĩ - chắc chắn là những bức tranh, hay ít ra cũng là một bức tranh; vì tôi biết vài tuần lễ trước đây anh đã có cuộc gặp gỡ mặt đối mặt với tay Do Thái buôn tranh Nicolino. Và bây giờ cái hòm ở đây, cứ theo hình dáng của nó thì vật bên trong chẳng thể là cái gì khác trên đời ngoài bản sao bức tranh "Bữa tiệc ly" của Leonardo de Vinci, một bản sao rất giá trị, do chính Rubini con ở Florence thực hiện. Nhân một lần nọ tôi đã biết bản sao này thuộc sở hữu của Nicolino. Đến lúc này thì tôi xem như vấn đề đã được giải quyết. Tôi vô cùng khoái trá khi nghĩ đến sự sắc sảo nhạy bén của mình. Đây là lần đầu tiên tôi biết Wyatt giấu tôi một bí mật trong nghề nghiệp nghệ sĩ của anh; nhưng anh rõ ràng là định qua mặt tôi, mang lậu một bức danh họa đến New York ngay dưới mũi tôi; cho rằng tôi sẽ chẳng biết gì về chuyện này. Nhưng tôi đã giải được câu đố của anh, bây giờ và mãi mãi.

Tuy vậy, có một điều làm cho tôi thắc mắc không ít. Đó là cái hòm không được đưa vào căn buồng phụ, mà lại đặt ngay trong buồng của Wyatt. Ở đó nó chiếm hầu như toàn bộ không gian còn trống trong buồng, không nghi ngờ gì là nó sẽ gây rất nhiều bất tiện cho chàng họa sĩ và cô vợ của anh ta. Một điều đặc biệt khác nữa là những dòng chữ viết trên nắp hòm, chúng được kẻ bằng nhựa đường hay sơn ta, hay một thứ gì đó có mùi hăng hắc khó chịu: "Bà Adelaide Curtis, Albany, New York. Người gởi: Cornelius Wyatt. Mặt này lên trên. Xin nhẹ tay".

Lúc này tôi đã biết bà Adelaide Curtis ở Albany là mẹ vợ của chàng họa sĩ. Nhưng rồi tôi nhìn toàn bộ dòng địa chỉ mà lấy làm khó hiểu, tất nhiên là chỉ với chính tôi. Bởi vì tôi vẫn nghĩ rằng cái hòm và những gì chứa trong đó sẽ chẳng đi đâu xa hơn về phía bắc, quá xưởng vẽ của anh bạn tôi nằm trên đại lộ Chamber thành phố New York.

Ba bốn ngày đầu tiên trên biển thời tiết rất đẹp, mặc dù gió cứ lặng dần đi. Con tàu thả trôi chệch một chút về hướng bắc ngay sau khi bờ biển biến mất trong tầm nhìn của chúng tôi. Kết quả là các hành khách đang cơn cao hứng tranh thủ làm quen với nhau. Tuy vậy, tôi cho là vợ chồng Wyatt và hai cô em gái quá khó tính, và tôi không thể không nghĩ rằng, họ không được lịch sự cho lắm trong lối cư xử với những hành khách còn lại. Tôi không quan tâm lắm đến thái độ của Wyatt. Anh có vẻ ủ dột, thậm chí hơi quá so với vẻ mặt thường ngày - thực tế anh là típ người đa cảm, hay buồn rầu - nhưng tính khí lập dị của anh thì tôi đã quá quen rồi. Nhưng còn với các cô em gái thì tôi không thấy có lý do gì có thể bào chữa cho họ. Hai cô cứ ở lì trong buồng suốt phần lớn cuộc hành trình, và nhất định từ chối làm quen với những hành khách trên boong, dù tôi đã nhiều lần tỏ ý thúc giục.

Riêng cô vợ của Wyatt thì có vẻ dễ gần hơn nhiều. Tức là cô ta thích chuyện phiếm, và để chuyện phiếm thì không lúc nào thích hợp hơn là khi đi lâu ngày trên biển. Cô ta trở nên thân mật quá mức với hầu hết các bà các cô có mặt trên tàu; và, theo sự tò mò có căn cứ của tôi, thì cô ta tỏ ra không ngại ngần gì trong việc làm duyên làm dáng với cánh đàn ông. Cô ta đùa cợt rất nhiều với tất cả chúng tôi. Tôi nói là "đùa cợt" - và chắc

chấn là tôi biết phải giải thích chuyện đó như thế nào. Sự thật là tôi đã sớm nhận ra cô ta thích cười nhạo người khác hơn là cười đùa với họ. Các quý ông thì chẳng có gì nhiều để nói về cô ta. Nhưng còn các quý bà, thì chỉ trong một thời gian ngắn, họ đã coi cô ta là một cô gái "cởi mở, thích làm dáng, hoàn toàn thiếu giáo dục và thiếu tế nhị". Thật ngạc nhiên là làm sao mà Wyatt lại có thể bị mắc vào một đám như thế. Của cải là một giải đáp thường thấy - nhưng tôi thì tôi biết rõ hoàn toàn không phải như thế. Vì Wyatt đã từng bảo với tôi là cô ta không mang về cho anh một đồng nào, và cô cũng không chờ đợi một món thừa kế gia tài nào cả. "Tôi lấy vợ vì tình, và duy nhất chỉ vì tình. Nàng đối với tôi còn quý giá hơn mọi thứ của cải trên đời, hơn cả chính tình yêu của tôi". Anh đã bảo với tôi như vậy. Khi nhớ lại những lời của anh, phải thú nhận rằng tôi vô cùng lúng lúng. Lẽ nào anh đánh mất khả năng xét người tinh tường của mình rồi hay sao? Tôi còn có thể nghĩ được điều gì khác hơn thế nữa? Anh ta, một người tinh tế đến thế, thông minh đến thế, khó tính đến thế, nhạy cảm đến thế trong việc nhận ra những khiếm khuyết của người đời, và cũng y như thế trong việc thưởng thức cái đẹp! Rõ ràng là quý cô kia tỏ ra rất si mê anh ta - nhất là khi không có mặt anh - cô ta làm cho mình trở nên kỳ quặc bằng cách thường xuyên nhắc đi nhắc lại những lời mà "ông chồng yêu quý của tôi, ông Wyatt" đã nói. Những từ "ông chồng yêu quý" - một cách nói ưa thích của cô ta - dường như lúc nào cũng chực sẵn trên đầu lưỡi của cô. Chẳng mấy chốc mọi người trên tàu đều quen với những lời cửa miệng đó, khiến cho anh chồng cứ phải tìm cách tránh né cô vợ ra mặt. Phần lớn thời gian anh ta cứ giam mình trong buồng ngủ, có lẽ anh ta cảm thấy ở đó thoải mái hơn, để mặc cho cô vợ hoàn toàn tự do, tha hồ mà giải trí cho thỏa thích với các hành khách thường tụ tập trên boong. Tôi cũng nhận thấy cô ta rất ít khi chịu ngồi trong buồng cùng với chồng, tất nhiên là trừ buổi tối đi ngủ thì không kể.

Từ những gì đã nhìn thấy và nghe thấy, tôi đi đến kết luận rằng chàng họa sĩ, do một sự trớ trêu không lường trước được nào đó của số phận, hay do trời xui đất khiến như thế nào đó, mà đã làm lẫn cưỡi một người không xứng đáng với anh. Và kết quả tự nhiên của sự nhầm lẫn đó là trong lòng anh đã nảy sinh một sự chán ghét hoàn toàn và nhanh chóng đối với cô ta. Từ tận đáy lòng tôi cảm thấy thương hại cho anh - nhưng không vì thế mà tôi có thể tha thứ cho cái tội của anh định giấu diếm chuyện bức tranh "Bữa tiệc ly" với tôi. Vì chuyện đó tôi quyết định phải cho anh một bài học xứng đáng.

Một hôm, khi anh đi lên boong, tôi liền tiến đến choàng tay anh như thói quen vốn có giữa chúng tôi, và chúng tôi cùng nhau tản bộ. Tuy vậy, vẻ ủ ê của anh hình như vẫn không bớt đi chút nào - tôi thì thấy chuyện đó là hoàn toàn tự nhiên, nếu xét đến cái tình cảnh trớ trêu mà anh đang kẹt trong đó. Anh nói rất ít, giọng thì rầu rĩ, và rõ ràng anh đã phải rất cố gắng mới thốt ra được vài lời. Tôi đánh bạo đùa cợt một hai câu, còn anh phải cố lắm để làm bộ nhếch mép. Anh chàng mới bắt hạnh làm sao! Nghĩ đến cô vợ của anh, tôi cho rằng anh không có tâm trạng nào để mà cười đùa cả. Cuối cùng, tôi quay về chủ đề chính. Tôi quyết định sẽ bắt đầu bằng một vài lời ám chỉ bóng gió về chiếc hòm - chỉ cốt để cho anh dần dần nhận ra rằng tôi không phải là kẻ để anh có thể đùa giỡn bằng cái bí mật nho nhỏ đó được. Phương pháp của tôi là bóc dần từng lớp cho đến cốt lõi bên trong. Tôi bắt đầu nói vài điều về "hình dáng đặc biệt của cái hòm", và khi nói ra những lời này, tôi mỉm cười một cách đầy ngụ ý, nháy mắt và chọc chọc ngón tay vào mạng sườn anh.

Cái cách mà Wyatt phản ứng với trò đùa vô hại của tôi khiến tôi ngay lập tức nghĩ rằng anh bị điên. Thoạt đầu anh nhìn chằm chằm vào tôi, cứ như anh thấy những lời nhận xét dí dỏm của tôi là không ngửi nổi. Nhưng khi những lời nói của tôi chậm chậm ngấm vào đầu anh, thì mắt anh lờ lửng ra tưởng như sắp bắn ra khỏi hốc mắt. Mặt anh đỏ tía lên, sau đó lại tái nhợt đi xanh lè. Rồi dường như rất buồn cười với điều mà tôi định ám chỉ, anh phá lên cười ồm ồm. Và điều khiến tôi ngạc nhiên nhất là anh cứ cười mãi không thôi, càng ngày càng cười to, kéo dài trong khoảng mười phút liền. Rồi thật bất ngờ, anh ngã lăn đùng ra đập đầu xuống sàn tàu. Khi tôi vội vàng chạy lại đỡ anh dậy thì toàn bộ vẻ bề ngoài của anh cho thấy là anh đã chết!

Tôi vội gọi người đến giúp, và phải khó khăn lắm chúng tôi mới cứu cho anh tỉnh lại được. Khi tỉnh lại, anh cố lấp bấp vài từ rồi rạc. Cuối cùng chúng tôi cho anh uống một chút rượu mạnh rồi đưa anh trở về giường. Sáng hôm sau anh đã hoàn toàn hồi phục, đó là nói về mặt sức khỏe thân thể của anh. Còn về đầu óc anh thì dĩ nhiên là tôi không dám chắc. Tôi tránh mặt anh trong suốt thời gian còn lại trên tàu, đó là theo lời khuyên của thuyền trưởng Hardy, ông ta hình như cũng đồng ý với nhận xét của tôi về cái vẻ điên điên khùng khùng của anh, nhưng ông cảnh cáo tôi không được nói gì về chuyện này với bất kỳ ai khác trên tàu.

Có một vài chuyện xảy ra từ sau cơn ngất xỉu của Wyatt hôm đó, chúng lại càng kích thích cao độ óc hiếu kỳ vốn có của tôi. Có một sự việc như sau: hôm đó tôi hơi căng thẳng - tôi đã trót uống quá nhiều trà đặc của thuyền trưởng Hardy nên rất khó ngủ - nói cho đúng thì tôi hầu như không ngủ được suốt hai đêm liền. Buồng ngủ của tôi có cửa mở ra ca bin chính (cũng là phòng ăn) giống như tất cả các buồng ngủ cho khách đi một mình khác. Ba buồng của gia đình Wyatt nằm phía sau ca bin chính, tách biệt với ca bin này bằng một cánh cửa trượt không khóa vào ban đêm. Vì chúng tôi bơi theo một góc lệch với hướng gió và gió cũng khá mạnh, nên con tàu bị nghiêng đi khá nhiều. Nó khiến cho cánh cửa trượt bị mở ra và cứ nằm nguyên như thế

suốt đêm mà chẳng có ai buồn đóng lại cả. Nhưng giường ngủ của tôi nằm ở một vị trí mà khi cửa buồng của tôi, cũng là cửa trượt, mở ra khi tàu bị nghiêng, thì tôi có thể nhìn thấy rất rõ ràng phần phía sau ca bin, cũng chính là nơi bố trí những căn buồng của gia đình nhà Wyatt. Vậy là, trong hai đêm mất ngủ đó, tôi nằm thao thức và nhìn thấy rõ ràng cô vợ của Wyatt, cứ vào khoảng 11 giờ đêm là lại rón rén ra khỏi buồng của hai vợ chồng rồi chui vào căn buồng phụ. Cô ta ở lại trong đó cho đến sáng, khi chồng cô sang gọi cô về. Chuyện họ sống ly thân là đã rõ ràng rành. Họ ngủ riêng phòng - không nghi ngờ gì nữa, họ đang chuẩn bị để ly hôn thực sự. Tôi nghĩ bụng, bí ẩn của căn buồng phụ rốt cuộc là như thế đấy.

Một chuyện khác cũng khiến tôi rất quan tâm. Trong hai đêm thức trắng đó, ngay sau khi cô vợ của Wyatt chui vào căn buồng phụ, tôi nghe thấy có những tiếng động khác thường, rất khẽ, dường như cố giữ, văng ra từ căn buồng của anh chồng. Sau khi ra sức lắng tai lên nghe, từ những tiếng động văng ra, tôi có thể tưởng tượng anh ta đang làm gì. Nhất định là anh ta đang mở cái hòm vì có tiếng lạch cạch như tiếng mở khóa, rồi tiếng bản lề rít lên khe khẽ. Rồi tiếp theo là những tiếng loạt soạt giống như khi người ta mở lớp giấy bóng kính gói một vật gì ra. Đến đây thì tôi đã hiểu rõ, những phán đoán của tôi quả đã không lầm. Không nghi ngờ gì là Wyatt, do thói quen bất trị của những người say mê các họa phẩm lừng danh, anh đang chiều theo niềm đam mê kiểu nghệ sĩ của mình. Anh ta đã không kiềm được mình mà phải mở cái hòm ra, để chiêm ngưỡng cho mãn nhãn cái kho báu nghệ thuật vô giá cất ở trong đó. Những tiếng động tiếp theo có vẻ khó hiểu hơn. Tôi nghe thấy những tiếng xào xạc, giống như khi người ta đang bới cát khô, không hiểu anh ta đang làm gì. Rồi bỗng tôi nghe thấy những tiếng ục ục trầm trầm, dường như anh ta đang cảm thán mà phải kêu lên, nhưng lại cố nén để không cho tiếng động phát ra. Kể từ đó cho đến sáng, anh ta cố giữ im lặng, nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn nghe thấy những tiếng sụt sịt khe khẽ, có lẽ anh ta không nén nổi mà phải xuyết xoa, mỗi khi nhìn ra một nét cọ thần kỳ nào đó trên bức tranh. Vào khoảng bốn hay năm giờ sáng, tôi lại nghe thấy những tiếng xào xạc, loạt soạt, dường như anh ta đang gói ghém lại kho báu của mình. Rồi có tiếng nắp hòm đóng lại, tiếng các ổ khóa lạch cạch, tiếng xô đẩy khe khẽ khi anh ta đẩy cái hòm về vị trí cũ. Chưa hai mươi phút sau, tôi thấy anh ta mở cửa buồng bước ra, ăn mặc tề chỉnh, anh ta đi sang căn buồng phụ gọi cô vợ trở về.

Hai đêm mất ngủ tôi đều thấy cùng những sự việc như vậy. Có lẽ đêm nào anh ta cũng làm như thế. Vốn đã biết niềm đam mê hội họa như điên như cuồng của bạn mình, nên tôi cũng không quá ngạc nhiên với những hành động kỳ quặc khác người của anh ta.

Chúng tôi lên thuyền trên biển đã được bảy ngày, và lúc con tàu đang đi ngang qua mũi Hatteras thì bỗng có một cơn gió mạnh nổi lên từ phía Tây nam. Thực ra thì thuyền trưởng đã chuẩn bị sẵn sàng, vì vào thời gian này thời tiết trên biển vẫn hay có những mối đe dọa bất thường như vậy. Mọi thứ đều đã được buộc néo gọn gàng, dù dưới hầm tàu hay ở trên boong. Và khi gió càng lúc càng mạnh lên thì thuyền trưởng rất cuộc phải cho hạ buồm mũi và buồm lái xuống.

Thu xếp như thế chúng tôi đã yên ổn được 48 tiếng đồng hồ - con tàu đã chứng tỏ được phẩm chất ưu tú về mọi phương diện của nó, nó không hề hấn gì qua sóng gió. Thế nhưng vào cuối ngày thứ hai thì cơn gió mạnh đã biến thành cuồng phong, bánh lái tàu vỡ ra thành từng mảnh, con tàu bị cuốn vào giữa những con sóng biển cao ngất cứ thay nhau kéo tới hết đợt này đến đợt khác. Sóng lớn đập vỡ một cabin trên boong, cuốn theo ba thủy thủ và gần như toàn bộ thành mạn trái của con tàu. Chúng tôi chỉ vừa mới kịp định thần thì buồm chính đã bị xé toang khi tàu lọt vào giữa một con sóng khổng lồ. Cứ thế này thì giờ lắm chúng tôi cũng chỉ có thể trụ được vài giờ, trong khi con tàu đang phải đương đầu với sóng biển mỗi lúc càng mạnh hơn.

Cơn bão vẫn hoành hành, chẳng có dấu hiệu gì là sẽ dịu đi. Các thiết bị buồm dây trên tàu bị cuồng phong kéo giật gần như hỏng cả. Sang ngày thứ ba bị bão, vào khoảng 5 giờ chiều, buồm lái bị một cơn gió giật xé rách toang, cuốn phăng khỏi boong. Chúng tôi đã nỗ lực trong hơn một tiếng đồng hồ để lèo lái mà không ăn thua, vì con tàu đang chao đảo dữ dội. Rồi anh thợ mộc chạy đến báo cho chúng tôi hay là nước biển đang rò rỉ vào tàu, hầm tàu đã ngập gần hai mét nước. Rắc rối hơn nữa là các bơm nước trên tàu đều đã bị va đập hỏng cả.

Lúc này mọi người ai nấy đều bối rối tuyệt vọng. Thuyền trưởng ra lệnh vớt xuống biển tất cả những đồ vật trên tàu để làm cho tàu càng nhẹ càng tốt, hai cánh buồm còn lại cũng bị cắt bỏ. Chúng tôi làm ngay những việc đó, nhưng những cái bơm thì vẫn không sửa được, trong khi nước ngấm qua thành tàu ngày càng nhanh.

Vào lúc hoàng hôn, bão đã dịu hẳn. Và khi mặt biển lặng đi, chúng tôi vẫn còn ấp ủ một hy vọng mơ hồ là sẽ thoát chết nhờ những chiếc thuyền cứu nạn trên tàu. Đến 8 giờ tối, mây tan đi, chúng tôi nhìn thấy ánh trăng tròn vằng vặc chiếu xuống - một chút thế thôi cũng đủ để vực dậy tinh thần đang sa sút của mọi người.

Sau những nỗ lực tuyệt vọng, cuối cùng chúng tôi cũng đưa được chiếc thuyền lớn xuống nước mà không bị sút mẻ gì. Hầu hết thủy thủ đoàn và hành khách chen chúc nhau trên đó. Con thuyền lập tức rời đi. Sau này tôi được biết nó đã phải trải qua bao nhiêu tai họa nữa, nhưng cuối cùng cũng đến được vịnh Ocracoke một cách an toàn ba ngày sau vụ đắm tàu.

Mười bốn người trong đó có thuyền trưởng Hardy còn lại trên boong, quyết định phó thác số phận cho chiếc thuyền nhỏ phía đuôi tàu. Chúng tôi không khó khăn gì lắm để hạ thủy nó, dù phải nhờ vào một sự may mắn thần kỳ chúng tôi mới không làm cho nó bị lật sập khi chạm mặt nước. Trên thuyền có thuyền trưởng và vợ ông, gia đình nhà Wyatt, viên sĩ quan người Mehicô cùng bà vợ và bốn đứa con, tôi cùng với cậu người hầu da đen.

Chúng tôi ngồi chen chúc trên chiếc thuyền nhỏ, dĩ nhiên chẳng còn chỗ đâu để mang theo hành lý gì khác ngoài những quần áo vật dụng tối cần thiết buộc gọn trên lưng. Chẳng ai nghĩ đến việc cố cứu thêm vật gì. Vì thế nên khi con thuyền mới rời đi được chừng vài mét, thì mọi người đều vô cùng kinh ngạc khi thấy Wyatt nhôм dậy từ phía đuôi thuyền, lạnh lùng yêu cầu thuyền trưởng Hardy quay lại để anh ta lấy cái hòm!

- Ngồi xuống, ông Wyatt! - Thuyền trưởng cũng lạnh lùng đáp trả với một vẻ hơi ngiệt ngã - Ông sẽ làm thuyền bị lật nếu không chịu ngồi cho im. Nước đã mấp mé thành thuyền, ông không thấy sao?

- Cái hòm! - Wyatt quát trong khi vẫn không chịu ngồi xuống. - Cái hòm! Ông nghe chưa, thuyền trưởng Hardy, ông không thể, ông không được từ chối tôi. Nó đâu có nặng gì. Hãy vì mẹ ông, vì tình yêu Thiên Chúa, vì sự cứu rỗi của ông, tôi cầu xin ông đấy, hãy quay thuyền lại cho tôi lấy cái hòm!

Trong một thoáng, thuyền trưởng dường như động lòng trước những lời khẩn cầu tha thiết của chàng họa sĩ, nhưng rồi ông lấy lại được sự kiên định sắt đá của mình và chỉ nói :

- Ông Wyatt, ông điên rồi. Tôi không thể chiều ý ông được. Hãy ngồi xuống, nếu không ông sẽ làm lật thuyền đấy. Dừng lại! Giữ lấy anh ta! Giữ anh ta lại! Anh ta định nhảy khỏi thuyền! Đấy! Tôi biết mà, anh ta nhảy mất rồi!

Đúng vậy, khi thuyền trưởng đang nói thì Wyatt đã lao khỏi thuyền. Anh bơi lại thành con tàu đang chìm, còn chúng tôi thì vội chèo ra xa, vì khi con tàu chìm, nó sẽ kéo chiếc thuyền nhỏ xíu của chúng tôi theo xuống đáy biển. Chúng tôi thấy Wyatt, với một sức lực kinh người không hiểu từ đâu mà ra, anh vọt từ mặt nước lên cao đến hai mét để tóm lấy sợi dây thừng lơ lửng nơi mạn tàu. Thêm một cử động nữa, thế là anh đã ở trên mặt boong, rồi ngay lập tức anh cầm đầu lao xuống ca bin.

Một lúc sau, chúng tôi đã rời xa đuôi tàu và thoát ra ngoài vùng nguy hiểm. Suýt nữa đã chúng tôi quay thuyền lại, nhưng chúng tôi biết rõ chiếc thuyền của chúng tôi chẳng khác gì một cọng lông trước gió, có mạo hiểm cũng chỉ vô ích mà thôi. Trong một thoáng chúng tôi biết rõ rằng số phận của chàng họa sĩ bất hạnh đã được phán quyết rồi.

Từ đằng xa, chúng tôi nhìn thấy anh chàng điên rồ đó (làm sao có thể hiểu khác về anh ta được) xuất hiện nơi cầu thang lên đài quan sát, với một sức lực kinh khủng, anh ta leo lên đó, người gập xuống, bước từng bước dưới sức nặng của cái hòm, trong khi con tàu vẫn đang chìm xuống. Chúng tôi còn đang trợn tròn mắt vì ngạc nhiên, thì đã thấy anh ta thoăn thoắt quấn chiếc dây chảo lớn vài vòng, thoát đầu là quanh chiếc hòm, rồi sau đó quấn quanh thân hình anh ta. Con tàu đang chìm rất nhanh. Rồi chỉ một thoáng sau, cả chiếc hòm và thân người buộc chặt vào đó đã chìm mất dạng dưới mặt nước biển, biến mất thình lình - một lần và mãi mãi.

Chúng tôi buồn rầu cúi người trên mái chèo, nán ná thêm một lúc nữa, mắt không rời cái nơi anh vừa biến mất. Rồi chúng tôi cũng chèo đi. Trong suốt một tiếng đồng hồ không ai mở miệng nói ra được lấy một lời. Cuối cùng tôi đánh bạo đưa ra một nhận xét.

- Thuyền trưởng, ông có nhận thấy anh ấy chìm nhanh quá không? Ông không thấy chuyện đó khá lạ lùng hay sao? Thú thật là khi thấy anh ấy buộc mình vào cái hòm, tôi đã mừng rỡ và hy vọng anh ấy sẽ thoát, cái hòm lẽ ra phải giữ cho anh ấy nổi trên mặt biển mới phải chứ!

- Anh ta làm sao mà không chìm cho được, - Thuyền trưởng đáp - như một cục đá ấy chứ! Nhưng anh ta sẽ lại nổi lên ngay thôi, có điều phải chờ cho muối tan hết đã.

- Muối à! - Tôi thốt lên không hiểu.

- Suyt! - Thuyền trưởng bảo, tay chỉ về phía cô vợ và hai cô em gái của người vừa chết - Chúng ta sẽ nói chuyện này sau, vào một lúc khác thích hợp hơn.

o o o

Chúng tôi còn phải trải qua bao nhiêu nguy hiểm nữa trong một cuộc hành trình hầu như vô vọng, nhưng số phận đã mỉm cười với chúng tôi, cũng giống như với những người của chúng tôi trên chiếc thuyền lớn. Cuối cùng chúng tôi cũng cập được một bãi biển đối diện với đảo Roanoke, dờ sống dờ chết sau bốn ngày gian nan khổ cực. Chúng tôi ở lại đó một tuần, những người hôi của từ các con tàu đắm cũng không đối xử tệ lắm với chúng tôi. Cuối cùng, chúng tôi cũng được đưa về New York.

Khoảng một tháng sau ngày con tàu "Independence" mắc nạn, tôi tình cờ gặp Thuyền trưởng Hardy trên đường Broadway. Câu chuyện của chúng tôi tất nhiên quay về với vụ đắm tàu, và đặc biệt là số phận đáng buồn của anh chàng Wyatt bất hạnh. Và tôi được biết thêm những chi tiết sau đây.

Chàng họa sĩ đã đặt chỗ trên tàu cho anh ta, cô vợ, hai cô em gái và một cô hầu. Cô vợ đúng như anh đã quả quyết, là một người phụ nữ cực kỳ xinh đẹp, khả ái, tao nhã. Thuyền trưởng Hardy nói rằng ông chưa từng gặp một phụ nữ nào hoàn hảo đến như thế. Vào buổi sáng ngày 14 tháng Sáu (ngày mà tôi lên thăm con tàu), người phụ nữ đó bất hạnh bị bạo bệnh và chết thành linh. Anh chồng trẻ suýt hóa điên vì đau khổ. Nhưng hoàn cảnh bắt buộc, anh không thể hoãn lại chuyến đi đến New York. Anh một mực đòi phải mang thi hài người vợ yêu dấu về cho mẹ của nàng. Nhưng mặt khác thì những thành kiến của người đời lại ngăn cản không cho anh ta làm cái việc đó một cách công khai堂堂 hoàng. Chín mươi hành khách trên tàu sẽ thà phải hủy chuyến đi còn hơn là lệnh đênh trên biển bao nhiêu ngày trời cùng với một xác chết.

Trong tình thế tiến thoái lưỡng nan, Thuyền trưởng Hardy nghĩ ra một cách để chuyển cái xác lên tàu. Trước hết, cái xác phải được xử lý và ướp formon, sau đó được gói bọc lại bằng giấy dầu cùng với một lượng muối lớn đổ ngập xung quanh. Nó sẽ được đặt trong một cái hòm có kích thước phù hợp, rồi sau đó sẽ được chuyển lên tàu giống như một thùng hàng thông thường. Không ai được nói một lời nào về cái chết của người phụ nữ xấu số. Và để các hành khách khác nghĩ là ông Wyatt đi tàu cùng với người vợ mới cưới, nên cần phải có một ai đó đóng vai của nàng trong cuộc hành trình. Cô hầu gái của nàng chính là người thích hợp nhất để đảm nhận công việc này. Căn buồng phụ, vốn được dành cho cô hầu gái khi cô chủ còn sống, bây giờ vẫn được giữ lại. Dĩ nhiên là để cho cô vợ giả mạo ngủ trong đó vào ban đêm. Còn vào ban ngày thì cô ta đem hết những khả năng có hạn của mình ra để đóng vai cô chủ - thuyền trưởng Hardy đã tìm hiểu cẩn thận, và thật may là trên tàu không có ai biết mặt nàng cả.

Sự nhầm lẫn của tôi, tất nhiên là do tính khí bông bột, do quá tò mò và quá hấp tấp. Nhưng mãi về sau này, tôi vẫn hiếm khi ngủ được ngon giấc. Có một khuôn mặt vẫn cứ ám ảnh tôi. Có một giọng cười điên loạn vẫn cứ không ngừng vang lên trong tai tôi.

Ma Gió

Ray Bradbury

Dịch giả: Trịnh Huy Hóa

Chuông điện thoại reo vào lúc sáu rưỡi chiều tôi hôm đó. Bây giờ là tháng Mười, và trời đã tối sập khi Herb Thomson nhắc ống nghe.

- Alô, Herb đấy hả?

- Anh đấy à, Allin.

- Vợ anh có nhà hả, Herb?

- Ừ, nhưng sao chứ?

- Mẹ khỉ.

Herb Thompson giữ chặt giữ ống nghe :

- Cái đấy à? Anh lạ thật đấy.
- Tôi muốn anh đến đây tối nay.
- Chúng tôi sắp có khách.
- Tôi muốn anh đến đây tối nay. Khi nào thì vợ anh đi?
- Tuần sau. Cô ấy sẽ đi Ohio chín mươi ngày gì đó. Mẹ cô ấy ốm. Lúc đó tôi sẽ đến anh.
- Nhưng tôi muốn anh đến tối nay cơ.
- Tôi cũng muốn thế. Nhưng còn khách, vợ tôi sẽ giết tôi mất.
- Giá mà anh đến được.
- Có chuyện gì thế? Lại cơn gió đó à?
- Ồ, không. Không đâu.
- Cơn gió đó hả, Allin? - Herb hỏi gặng.

Giọng nói trong ống nghe hơi ngằn ngừ.

- Ừ, phải. Cơn gió đấy.
- Hôm nay trời quang mà, sẽ không có gió đâu.
- Thôi đi. Nó đang ngoài cửa sổ nhà tôi, nó đang lay tấm rèm kia kia. Chỉ thế thôi là tôi đủ biết rồi.

Herb đưa mắt nhìn căn phòng khách sáng ánh đèn rồi bảo :

- Này, hay là tối nay anh đến nhà tôi đi?
- Ồ, không. Quá muộn rồi. Thẻ nào tôi cũng bị nó tóm giữa chừng. Đường xa quá, ba mươi dặm cơ đấy, tôi không dám liều đâu. Nhưng dù sao cũng cảm ơn anh.
- Hay uống một viên thuốc ngủ đi vậy.
- Tôi đứng bên cửa sổ cả giờ đồng hồ rồi, Herb ạ. Tôi thấy nó nổi lên ở phía đằng tây. Có mấy đám mây ở đó, gió xé chúng ra từng mảnh. Đấy, một cơn gió đang thổi vào đây này.
- Này, anh uống một viên thuốc ngủ đi. Cứ gọi cho tôi lúc nào anh cần nhé. Muộn cũng không sao đâu.
- Lúc nào cũng được hả? - Giọng nói trong ống nghe hỏi.
- Ừ, lúc nào cũng được.
- Tôi sẽ gọi, nhưng giá mà anh đến được. Nhưng tôi không muốn gây hại cho anh. Anh là người bạn tốt nhất của tôi nên tôi không muốn thế. Tốt hơn là tôi nên một mình đối mặt với chuyện này. Xin lỗi vì đã làm phiền anh.
- Thôi nào, thế bạn bè để làm gì? Để tôi mách cho anh làm gì tối nay nhé. Ngồi xuống và viết một cái gì đó đi.
- Herb nói, hai chân cứ nhấp nhồm không yên - quên những chuyện về Himalaya và Thung lũng Ma gió, quên những ám ảnh của anh về bão tố và cuồng phong đi. Viết một cái gì khác cho cuốn sách tiếp theo ấy.
- Có lẽ tôi sẽ làm thế. Tôi sẽ làm thế, tôi cũng không biết nữa. Có lẽ tôi sẽ viết. Tôi nên viết mới phải. Cảm ơn nhiều vì đã để cho tôi quấy rầy.
- Cảm ơn cái gì cơ chứ! Thôi bây giờ gác máy đi. Vợ tôi đang gọi. - Anh gác máy, rồi đến ngồi sau bàn ăn đối diện với cô vợ.

- Allin hả? - Cô vợ hỏi và anh gật đầu.

- Lại mấy cơn gió nóng gió lạnh thổi tới với chẳng thổi lui của anh ta chứ gì. - Cô đưa cho anh cái đĩa đồ ăn tú hụ.

- Anh ấy đã từng ở Himalaya, trong thời gian chiến tranh. - Herb Thompson bảo vợ.

- Anh không tin những gì anh ta kể về cái thung lũng ma ấy đấy chứ?

- Đó là một câu chuyện hay.

- Trèo tới trèo lui, loanh quanh luẩn quẩn. Tại sao đàn ông các anh lại cứ đi leo núi rồi tự làm cho mình sợ hãi như thế chứ?

- Bão tuyết mà. - Herb lại bảo.

- Gì cơ?

- Bão tuyết, mưa đá và gió lốc cùng một lúc trong thung lũng ấy. Allin đã kể cho anh nghe cả chục lần rồi. Anh ta kể rất hay. Anh ta đã leo được khá cao, xung quanh toàn mây mù, đại loại thế. Thung lũng đầy những tiếng gào rú.

- Em biết rồi. - Cô ta hờn dỗi nói.

- Hình như ở đó có nhiều cơn bão cùng một lúc chứ không chỉ một. Gió từ khắp mọi nơi đổ đến. - Anh ăn thêm một miếng - Đây là anh ta bảo thế.

- Trước hết anh ta không nên mò đến đó làm gì. - Cô bảo - Anh ta cứ tò mò những chuyện không đâu nên mới ra nông nổi thế. Ma quỷ nổi giận vì anh ta cứ chõ mũi vào chuyện của chúng, nên chúng mới săn lùng anh ta.

- Đừng có giễu cợt anh ấy như thế. Anh ấy là bạn thân nhất của anh đấy. - Herb cầu nhàu.

- Rõ vớ vẩn!

- Nhưng anh ta đã phải chịu biết bao trận bão rồi. Cơn bão khủng khiếp ở Bombay, rồi cơn cuồng phong ở quần đảo trên Thái Bình Dương hai tháng sau đó, rồi bao nhiêu cơn bão khác. Và cái lần ở Cornwall.

- Tôi chẳng thương hại gì cái anh chàng cứ mãi chạy theo các cơn bão với cuồng phong, rồi sau đó lại vớ phải bao chuyện rắc rối vì chuyện đó nữa.

Tiếng chuông điện thoại lại vang lên.

- Đừng trả lời, anh ta đấy - Cô ta ra lệnh.

- Nhưng lỡ có chuyện quan trọng thì sao.

- Lại cái gã Allin đấy mà.

Hai vợ chồng ngồi yên. Chuông tiếp tục đổ chín lần nữa nhưng họ vẫn không trả lời. Cuối cùng chuông cũng ngừng réo. Họ ăn nốt bữa tối. Ra khỏi nhà bếp, anh thấy tấm rèm cửa sổ khẽ lay động trong cơn gió thoảng qua khe cửa sổ mở hé.

Chuông điện thoại lại kêu.

- Anh không thể để nó kêu mãi thế được - Anh bảo và nhắc máy - A, xin chào, Allin hả?

- Herb! Nó đến rồi! Nó đến đây rồi!

- Anh nói to quá, nhỏ đi một chút.

- Tôi đứng trước cửa sổ để chờ nó. Tôi thấy nó đến chỗ đường cao tốc, nó thổi gãy mấy hàng cây, hết cây này đến cây khác, rồi nó thổi rạp mấy bụi cây trước nhà tôi, nó đến trước nhà nhưng tôi đã sập cửa ngay

trước mũi nó!

Herb không nói gì. Anh chẳng nghĩ ra điều gì để nói cả, cô vợ đang đứng ở cửa phòng khách nhìn anh chăm chăm.

- Lạ lùng thật! - Cuối cùng anh bảo.

- Nó đang thổi vòng vòng quanh nhà tôi, Herb ạ. Bây giờ tôi không thể ra ngoài được rồi, tôi chẳng làm gì được nữa. Nhưng tôi sẽ lừa nó, tôi sẽ làm cho nó tưởng là đã tóm được tôi, và ngay khi đó xông đến để chụp lấy tôi, tôi sẽ đập cửa trước mũi nó! Tôi đã sẵn sàng cho chuyện đó rồi, tôi đã chuẩn bị từ nhiều tuần nay rồi.

- Anh khỏe rồi chứ? Kể cho tôi nghe đi nào, anh bạn. - Herb vui vẻ kêu lên, anh đóng kịch vì cô vợ đang nhìn chăm chăm, cổ anh ướt sũng mồ hôi.

- Nó bắt đầu từ sáu tuần trước ...

- Ô, vậy hả? Sao cơ? - Anh tiếp tục giả bộ.

- ... Tôi nghĩ đã lừa được nó. Tôi nghĩ nó đã bỏ cuộc không tìm cách săn đuổi tôi nữa. Nhưng hóa ra nó chỉ chờ dịp. Nó nhất định không tha cho tôi đâu. Sáu tuần trước tôi nghe thấy tiếng nó cười và thì thào quanh các góc nhà tôi, ở ngoài kia kìa. Khoảng chừng một tiếng đồng hồ gì đó, không lâu lắm, cũng không ảm ỹ gì lắm. Rồi sau đó nó bỏ đi.

Herb gật gù với cái ống nghe.

- Tôi rất mừng khi nghe thấy thế. Tôi rất mừng. - Vợ anh đang nhìn chăm chăm vào anh.

- Rồi đêm hôm sau nó lại đến. Nó sập các cánh cửa chớp và thổi tung muội than trong ống khói lò sưởi. Nó đến liên tục trong năm đêm liền, mỗi lần lại mạnh hơn một tý. Khi tôi mở cửa trước ra thì nó liền ập vào và cố kéo tôi ra ngoài, nhưng nó không đủ mạnh. Nhưng tối nay thì nó sẽ làm được đấy.

- Rất vui khi nghe anh đã khỏe hơn - Herb lại giả vờ.

- Tôi đâu có khá hơn, anh bị làm sao à? Có phải vợ anh đang nghe chúng ta nói chuyện không?

- Phải.

- À, tôi hiểu rồi. Tôi biết tôi có vẻ ngớ ngẩn lắm.

- Không có đâu. Nói tiếp đi.

Vợ anh trở vào trong bếp. Anh thở phào nhẹ nhõm rồi ngồi xuống chiếc ghế nhỏ cạnh bàn điện thoại.

- Nói tiếp đi, Allin, anh cứ nói hết ra, như thế sẽ dễ chịu hơn.

- Bây giờ nó cứ lòng vòng quanh nhà tôi, kêu ù ù như cái máy hút bụi to tướng đang hít các cây cột chống. Nó bẻ gãy hết cây cối quanh nhà tôi rồi.

- Lạ thật, ở đây chẳng có tý gió nào cả, Allin ạ.

- Tất nhiên rồi. Nó đâu có quan tâm đến anh, nó chỉ tìm tôi thôi!

- Ờ chắc là như thế.

- Nó là thứ quái vật giết người, Herb à, một con quái vật săn mỗi khủng khiếp nhất kể từ thời tiền sử. Một con chó săn khổng lồ, nó đánh hơi tôi, sục tìm tôi. Nó đã thổi cái mũi lạnh toát vào nhà tôi, ngửi không khí, và khi tìm thấy tôi trong phòng khách thì nó liền ép mạnh vào đó. Rồi khi tôi rút vào bếp thì nó cũng vào theo. Nó cố xông vào lối cửa sổ, nhưng tôi đã gia cố chúng lại, tôi lắp thêm bản lề và bắt thêm khóa. Căn nhà bây giờ rất chắc. Trước đây nó đã được xây rất vững. Tôi đã bật hết đèn lên rồi. Căn nhà bây giờ sáng trưng. Cơn gió đuổi theo tôi hết phòng này đến phòng khác, nó nhòm qua từng cửa sổ khi tôi bật đèn. Ồi chà!

- Sao thế?

- Nó đã giật tung cửa trước rồi!

- Giá anh đến nghỉ đêm ở nhà tôi, Allin.

- Không được đâu! Lạy Chúa! Tôi không thể rời ngôi nhà này được. Tôi không thể làm gì được nữa. Tôi biết cơn gió này mà, Chúa ơi, nó rất mạnh và rất ranh ma. Lúc nãy tôi định châm một điếu thuốc, thế là đồ quỷ ranh ấy, nó giật phăng que diêm đi. Cơn gió này có vẻ thích đùa giỡn. Nó cứ như trêu chọc tôi, đem tôi ra để tiêu khiển, giết thời gian. Còn bây giờ! Lạy Chúa, lúc này đây, nó đang giở một cuốn sách du hành cũ của tôi, nằm trên bàn đọc sách, giá mà anh thấy nó. Một làn gió nhẹ, có Chúa mới biết nó từ đâu ra, nó lùa qua cái lỗ thông hơi để vào trong nhà, nó lật bìa sách ra, rồi giở lần từng trang một. Giá mà anh tận mắt trông thấy. Nó đang giở đến trang có Lời giới thiệu. Anh nhớ lời giới thiệu cho cuốn sách về Tây Tạng của tôi chứ, Herb?

- Có.

- Nó giở cái trang có lời của tôi đề tặng "Những người bỏ mình trong trò đùa của tạo hóa, được viết bởi một người đã từng chứng kiến nhưng luôn thoát nạn".

- Phải, tôi có nhớ.

- Bây giờ đèn tắt hết cả rồi! - Có tiếng điện thoại lạch cạch - Dây điện đứt rồi. Anh còn đó chứ, Herb!

- Tôi vẫn nghe anh đây.

- Cơn gió này như ghen tức với các bóng đèn trong nhà tôi, nó đứt đứt dây điện rồi. Có lẽ tiếp theo sẽ là điện thoại. Ô, đúng là một cặp oan gia, tôi và cơn gió ấy mà! Chờ tôi chút.

- Allin? - Im lặng. Herb gí miệng vào ống nói. Vợ anh liếc nhìn từ trong bếp.

- Tôi đây rồi. - Lại có tiếng nói trong ống nghe - Có một khe hở dưới cửa nên tôi phải chèn giẻ rách cho nó khò lên vào. Dù sao tôi cũng rất mừng là anh đã không đến, Herb ạ. Tôi không muốn anh gặp rắc rối. Nó vừa phá vỡ cửa sổ phòng khách nhà tôi, trong nhà bây giờ gió tương đối mạnh rồi, nó đứt tung hết mấy bức tranh trên tường. Anh có nghe thấy tiếng gió rít không?

Herb lắng nghe. Có tiếng hú điên cuồng trong ống nghe, tiếng rít và tiếng sập cửa rầm rầm.

- Anh nghe thấy chưa. - Allin kêu lên.

Herb nuốt khan.

- Tôi nghe thấy rồi.

- Nó muốn bắt sống tôi cơ, Herb ạ. Nó sẽ không thả sập nhà đâu. Vì như thế sẽ giết chết tôi. Nó muốn tôi còn sống, để nó có thể đứt từng mẩu, từng mẩu trong người tôi ra. Nó muốn cái ở trong con người tôi. Bộ óc của tôi, suy nghĩ của tôi. Nó muốn sức sống của tôi, sức mạnh tinh thần của tôi, bản ngã của tôi. Nó muốn có trí tuệ.

- Vợ tôi đang gọi, Allin, tôi phải đi rửa bát đĩa.

- Đó là một đám mây đen rất lớn, gió từ khắp nơi đổ đến. Chính cơn gió đã xé nát thị trấn Cebeles một năm trước, cơn gió rét đã giết biết bao người ở Achentina, cơn bão đã vùi dập Hawaii, cơn cuồng phong đã thổi rạp mọi thứ ở bờ biển Phi châu đầu năm nay... chính là những cơn cuồng phong mà tôi đã từng thoát ra yên lành. Nó đã đuổi theo tôi kể từ cái ngày ở Himalaya, vì nó không muốn tôi nói ra những gì mà tôi đã biết về nó, về cái thung lũng Ma gió nơi nó giam giữ linh hồn những nạn nhân và nuôi dưỡng sức tàn phá của nó. Từ lâu lắm rồi, có cái gì đó đã cho nó một sự sống mạnh mẽ. Tôi biết nó được nuôi dưỡng bằng cái gì, tôi biết nó sinh ra từ đâu và sẽ kết thúc nơi nào. Vì thế mà nó căm ghét tôi, vì tôi đã viết nhiều cuốn sách chống lại nó, bảo cách đánh bại nó. Nó muốn sáp nhập tôi vào cái thân thể khổng lồ của nó, cho nó sự hiểu biết. Nó muốn tôi đứng về phe nó!

- Tôi phải gác máy thôi, Allin, vợ tôi...

- Gì hả? - Ngừng một chút, tiếng gió thổi ù ù trong ống nghe từ xa - Anh nói gì hả?

- Gọi lại cho tôi sau một tiếng nữa nhé, Allin. - Anh gác máy.

Anh vào bếp thu dọn bát đĩa. Cô vợ nhìn anh, còn anh cứ cắm mắt vào đồng bát đĩa mà anh đang cọ rửa dưới vòi nước.

- Ngoài trời thế nào? - Anh hỏi.

- Trời đẹp. Không lạnh lắm. Đầy sao - Cô ta bảo - nhưng sao cơ?

- Không có gì.

Điện thoại réo ba lần trong một tiếng sau đó. Vào lúc tám giờ thì khách đến, Stoddard và cô vợ anh ta. Họ ngồi chuyện trò tào lao cho đến tám giờ rưỡi rồi xúm quanh bàn đánh bài chơi xì phé.

Herb sắp tới sắp lui mấy quân bài, xòe ra rồi lại khép lại. Câu chuyện cứ đưa đẩy tới lui. Anh chăm một điều xì gà, sắp lại bài trên tay và thỉnh thoảng lại nghiêng đầu lắng nghe. Bên ngoài nhà chẳng nghe thấy tiếng động gì cả. Cô vợ bắt gặp anh đang làm chuyện đó, anh vội quay đi.

Anh chậm chậm rút từng hơi thuốc, những người khác khe khẽ nói chuyện và thỉnh thoảng lại bật cười rúc rích. Đồng hồ trên tường điểm chín tiếng.

- Chúng ta ngồi đây, - Herb mở miệng, nhả điếu xì gà ra và nhìn nó một cách trầm ngâm - và tận hưởng cuộc sống vui thú.

- Hả? - Stoddard không hiểu.

- Không có gì, ngoài việc chúng ta đang sống cuộc sống của mình, còn ở những nơi khác hàng tỷ người đang sống cuộc sống của họ.

- Thôi đi, ông triết gia xó bếp ạ.

- Thì đúng như thế đấy. Cuộc đời - Anh lại đưa điếu xì gà lên miệng - nhiều khi thật cô quạnh. Ngay cả với những người có gia đình. Nhiều khi bạn nằm trong vòng tay ai đó, nhưng bạn lại cảm thấy mình ở cách xa họ cả ngàn dặm.

- Tôi cũng thấy thế đấy - Cô vợ anh sùng sĩa.

- Tôi không có ý như thế đâu - Anh chậm rãi giải thích, cảm thấy mình không có lỗi - Tôi muốn nói là tất cả chúng ta đều tin vào những gì ta tin và sống cuộc sống nhỏ nhoi của chúng ta, trong khi có những người sống một cuộc sống hoàn toàn khác. Tôi muốn nói chúng ta đang ngồi ở đây, trong căn phòng này, trong khi hàng ngàn người khác đang chết dần chết mòn. Có người chết vì ung thư, có người vì bệnh máu trắng, có người vì bệnh lao. Tôi hình dung thấy ngay lúc này tại nước Mỹ, có những người đang chết vì tai nạn xe hơi.

- Đây có vẻ là một đề tài không thú vị lắm. - Cô vợ anh cắt ngang.

- Tôi chỉ muốn nói là tất cả chúng ta đang sống và không buồn hiểu xem những người khác đang nghĩ gì và họ đang sống hay đang chết. Điều tôi muốn nói là chúng ta ngồi ở đây chai cả mõng, trong khi cách đây ba mươi dặm, trong một căn nhà cũ, bị bóng tối và một thứ quỷ mới biết là gì bao vây, là một trong những người bạn thân nhất của tôi ...

- Herb!

Anh lại rút và nhai điếu xì gà, rồi ngơ ngác nhìn các lá bài.

- Xin lỗi - Anh chớp chớp mắt rồi dụi mắt thuốc. - Đến lượt tôi hả?

- Đến lượt anh đấy.

Ván bài lại tiếp tục, những quân bài được ném ra, những tiếng thì thào, trao đổi, cười nói. Herb Thompson lún người sâu trong chiếc ghế và trông có vẻ không được khỏe.

Chuông điện thoại réo lên. Herb nhảy bật dậy chạy đến nhắc ống nghe.

- Herb! Tôi đã gọi, gọi mãi.

- Tôi không thể nhắc máy, vợ tôi không cho tôi nghe.
- Nhà anh có chuyện hả, Herb?
- Ý anh muốn nói chuyện gì cơ chứ?
- Khách đến chưa?
- Khỉ thật, phải, đến rồi...
- Các anh đang cười nói và chơi bài hả?
- Phải, đúng thế, nhưng chuyện đó có mắc mớ gì ...
- Còn anh thì hút thuốc xì gà mười xu chứ gì?
- Bỏ khỉ, phải, nhưng mà ...
- Tuyệt - Giọng nói vang lên trong ống nghe về ghen tỵ - Chắc là tuyệt lắm. Giá mà tôi có ở đó. Giá mà tôi không hay biết cái điều mà tôi vô tình đã biết. Tôi có biết bao mơ ước...
- Anh vẫn ổn chứ?
- Cho đến giờ thì vẫn ổn. Bây giờ tôi đang cố thủ trong bếp. Bức tường trước của ngôi nhà bị thổi sập rồi. Nhưng tôi đã có kế hoạch đối phó. Khí cửa bếp bị vỡ tôi sẽ rút xuống hầm. Nếu may mắn tôi có lẽ sẽ trụ được đến sáng. Nó sẽ phải xé toang toàn bộ ngôi nhà này ra thì mới bắt được tôi, nhưng căn hầm này khá chắc chắn. Tôi có một cái xẻng và tôi có thể đào sâu thêm...

Nghe như có nhiều giọng nói trên điện thoại.

- Cái gì thế? Có ai nữa thế? - Herb hỏi gặng, anh bỗng thấy ớn lạnh, rùng cả mình.
- Cái đó hả? - Giọng nói trong ống nghe đáp - Tiếng nói của các nạn nhân của nó đây mà, hàng chục ngàn người. Cả một danh sách dài. Con gió này là thế đấy, anh biết mà. Nó gồm rất nhiều những âm hồn của những người đã chết. Con gió giết chết họ, rút lấy linh hồn, trí tuệ của họ, để nhập vào bản thể của nó. Nó thu lấy tất cả những giọng nói của họ, và làm thành một giọng nói duy nhất. Thú vị đấy chứ, hả? Hàng triệu, hàng triệu người bị giết từ xưa đến giờ, họ bị giày vò, hành hạ, bị cuốn từ lục địa này sang lục địa khác trong những trận gió mùa và những cơn cuồng phong. Có lẽ tôi hơi quá thi vị trong cái lúc như thế này thì phải.
- Trong ống nghe dội lại và rền lên những giọng nói, những tiếng la hét và những tiếng rên rỉ.
- Lại đây đi nào, Herb. - Cô vợ ngồi bên bàn chơi bài gọi với.
- Chính vì thế mà cơn gió này mỗi năm lại mỗi thông minh hơn, nó thu thập được thêm cho trí tuệ của nó hết cơ thể này đến cơ thể khác, hết cuộc đời này đến cuộc đời khác, hết cái chết này đến cái chết khác.
- Bọn em đang chờ anh đấy, Herb! - Cô vợ lại gọi.
- Mẹ kiếp! - Anh vặc lại nhưng nghe như rên rỉ - Chờ một tý có được không! - Rồi anh lại quay về với chiếc điện thoại.
- Allin, nếu anh cần tôi đến giúp, tôi sẽ đi ngay bây giờ.
- Đừng nghĩ đến chuyện đó. Đây là một trận quyết đấu sinh tử, anh chẳng mắc mớ gì đến nó đâu. Chà, tôi nên gác máy thì hơn. Cửa bếp xem ra yếu lắm rồi. Chắc tôi phải rút xuống hầm thôi.
- Gọi lại cho tôi nhé, được không?
- Có thể, nếu tôi gặp may. Nhưng tôi không nghĩ lần này tôi sẽ gặp may đâu. Lần đó tôi đã chuồn được và thoát thân ở Celebes, nhưng lần này thì chắc nó tóm được tôi mất. Hy vọng là tôi không làm phiền anh quá nhiều, Herb ạ.
- Anh chẳng làm phiền ai cả, mẹ kiếp. Gọi lại cho tôi nhé!

- Tôi sẽ cố...

Herb Thompson trở lại bàn chơi bài. Cô vợ nhìn chăm chăm vào anh.

- Allin thế nào rồi? Bạn anh ấy mà! - Cô ta hỏi - Anh ta không xin đấy chứ?

- Allin chưa bao giờ uống rượu cả. - Herb nổi sùng - Lẽ ra tôi nên đến đấy mới phải.

- Nhưng suốt sáu tuần lễ nay đêm nào anh ta cũng gọi, còn anh đã đến đấy ít nhất cũng mười bận rồi. Mà có chuyện gì xảy ra đâu cơ chứ!

- Anh ấy cần được giúp đỡ.

- Thì anh vừa mới đến, hai hôm trước đấy thôi. Anh không thể chạy theo anh ta mãi như thế được.

Họ ngừng chơi bài. Vào lúc mười giờ, cà phê được mang ra. Herb uống từng ngụm chậm chạp, mắt nhìn vào cái điện thoại. Anh trầm nghĩ, không biết Allin đã xuống hầm chưa.

Herb đến bên máy điện thoại, anh quay số.

- Xin lỗi quý khách - Tiếng máy tự động trả lời - đường dây này đang có sự cố. Xin quý khách gọi lại sau.

- Vậy là đến lượt đường dây điện thoại rồi! - Herb đập mạnh ống nghe kêu to. Quay người lại, anh chạy vào phòng, mở tủ lấy mũ và áo mưa ra.

- Xin thứ lỗi. Đừng giận tôi nhé! - Anh kêu lên với các vị khách và cô vợ đang sửng sốt với tách cà phê trên tay.

- Herb! - Cô ta gào to.

- Anh phải đến đó! - Anh đáp mà không quay đầu lại.

Có tiếng đập cửa mơ hồ, khe khàng ngoài cửa lớn. Ai nấy bỗng nhiên đều thấy căng thẳng bồn chồn.

- Ai thế nhỉ? - Cô vợ lắp bắp hỏi.

Tiếng đập cửa mơ hồ lại lặp lại. Herb vội chạy ra phòng khách rồi dừng ở đó vẽ cảnh giác.

Anh nghe thấy có tiếng cười khe khẽ.

- Quỷ bắt tôi đi - Anh giật mình khoan khoái và tỉnh trí lại - Tôi biết tiếng cười này mà. Đó là Allin. Vậy là cuối cùng anh ta đã lái xe đến đây. - Herb chép miệng

- Hình như anh ta có vài người bạn. Tiếng động nghe như có nhiều người...

Tiếng cười nghe rõ hơn. Anh mở cánh cửa lớn ra.

Ngoài hiên trống trơn, chẳng có ai cả.

Herb có vẻ không kinh ngạc, bộ mặt anh tỏ ra ranh mãnh. Rồi anh cười phá lên.

- Allin hả? Thôi đừng có đùa nữa! Vào đi nào! - Anh bật ngọn đèn ngoài cổng - Allin, anh ở đâu thế? Thôi đi nào!

Bỗng một cơn gió nhẹ chạm vào mặt anh.

Trong một thoáng, Herb thành linh cảm thấy lạnh toát cả xương sống. Anh bước ra ngoài hiên và khó nhọc nhìn xung quanh.

Cơn gió bất ngờ tóm lấy và giật tung cái áo mưa của anh ra, làm tóc anh rối tung cả lên. Rồi anh lại nghe thấy tiếng cười. Lần này tiếng cười to hơn, kéo dài hơn và lạnh lạnh hơn. Cơn gió thành linh xoay vần quanh căn nhà, cùng một lúc nó thổi vào từ khắp mọi hướng, làm cho các cánh cửa và mái nhà kêu lên rầm rắc. Rồi sau khi ào lên chưa đầy một phút, nó bỗng lặng đi cũng thành linh như lúc mới nổi lên. Tiếng cười cũng nhỏ dần.

Cơn gió hình như đã đi xa, nó rên rỉ trên những ngọn cây cao. Nó đã bay đi, về với biển khơi. Lặng dần, lặng dần.

Herb Thompson đứng bất động mà hồi lâu, trong người lạnh cóng. Rồi anh bước vào nhà, đóng cửa lại và tựa lưng vào đó, mắt nhắm nghiền.

- Có chuyện gì à...? - Cô vợ anh thì thào.

Giá Của Cái Đầu

John Russell

Dịch giả: Trịnh Huy Hóa

Toàn bộ tài sản của Christopher Alexan der Pellett bao gồm: tên họ của gã mà gã luôn cẩn thận giữ gìn không để cho ai biết; một chiếc áo khoác lính thủy mà gã sống và ngủ ở trong đó - nó vừa là nhà cũng vừa là giường của gã; một cơn khát rượu không bao giờ nguôi nghỉ; và một bộ râu đỏ quạch. Gã cũng có một người bạn. Ở đây không người đàn ông nào có được bạn bè, ngay cả trong số những người dân đảo Polynesia hiền lành, nếu như anh ta không có một phẩm chất nổi bật nào đó. Mạnh mẽ, hài hước, hung hăng: anh ta cần phải có những tính cách nào đó có thể gây sự chú ý và lôi cuốn người muốn kết bạn với anh ta. Vì thế, giải thích bằng cách nào đây sự tận tâm đầy yêu thương mà Karaki, cậu trai thổ dân đi ở cho công ty thương mại, vẫn hào phóng dành cho Alecxander Pellett? Đó vẫn là một điều bí ẩn với những người trên đảo Fufuti.

Pellett là một người hiền lành, chẳng bao giờ làm hại đến ai. Gã chẳng bao giờ cãi nhau với ai. Gã chẳng bao giờ giơ nắm đấm lên. Hình như gã cũng chẳng bao giờ hiểu được một điều rất sơ đẳng, rằng cặp giò của một người đàn ông da trắng như gã, dù cho chúng có xiêu vẹo lảo đảo đi nữa, thì cũng vẫn có quyền thỏa thích đá vào mông những người thổ dân xứ này. Gã thậm chí chẳng bao giờ chửi ai, ngoài chửi rửa bản thân mình và tay Tàu lai vẫn bán rượu brandy dỏm cho gã: riêng chuyện này thì có thể tha thứ được vì rượu brandy của hắn dở tệ dở hại.

Mặt khác thì gã cũng chẳng có đức tính tốt nào khả dĩ chấp nhận được. Từ lâu gã đã mất ý thích làm việc chăm chỉ, và gần đây thì thậm chí mất cả kỹ năng cầu xin. Gã không bao giờ cười, không nhảy nhót, cũng chẳng biểu lộ những tính cách lập dị dễ thương mà đôi khi vẫn được người ta khoan dung gán cho những người nghiện rượu. Gã chắc đã sống qua nhiều vùng đất khác trên thế giới mà chẳng phải cố gắng gì. Nhưng một sự ngẫu nhiên nào đó đã khiến gã trôi dạt đến bờ biển này, nơi mà cuộc sống dễ chịu như một bài ca và số phận lạ lùng đã đem lại cho gã một người bạn. Và gã vẫn cứ thế. Đó là tất cả. Gã cứ như thế, một gã lang thang cầu bơ cầu bất, một gã ù lỳ, chậm chạp luôn đắm chìm trong rượu...

Karaki, bạn gã, là một thổ dân bán khai đến từ Bougainville, ở đó một số người thì bị hun khói còn một số khác thì bị chén thịt. Là một thổ dân Melannésie da đen, cậu ta là một kẻ xa lạ trong cộng đồng những người Fufuti da nâu cũng y những người da trắng vậy. Cậu ta là một chàng trai nhỏ thó, nghiêm túc và rất thạo việc. Cậu có cặp mắt lõm sâu, những túm tóc lớn xoắn tít và cái vẻ ngoài hoàn toàn không gây ấn tượng gì. Khẩu vị của cậu cũng rất đơn giản. Cậu thắt một chiếc khăn bằng vải bông màu đỏ quanh eo và trên cánh mũi có đeo một chuỗi vòng bằng đồng thau rủ xuống.

Một vị tù trưởng có thể lực trên hòn đảo quê cậu đã bán Karaki làm thằng hầu cho công ty thương mại nọ đã ba năm nay, ông ta đã nhận trước tiền công 5 năm của cậu bằng thuốc lá và các chuỗi hạt thủy tinh. Khi đã hoàn thành xong thời hạn làm công, cậu sẽ được chở trả về Bougainville, cách xa đây chừng 800 dặm, lúc đó cậu cũng sẽ chẳng giàu có gì hơn trước ngoại trừ có thêm chút ít kinh nghiệm. Đó là một tập tục ở đây. Nhưng Karaki có lẽ có kế hoạch của riêng cậu.

Chẳng có mấy chủng tộc da đen ở Thái Bình Dương lại có những đức tính vốn vẫn được người ta ngưỡng mộ như thế. Về lòng trung thành và tính khiêm nhường thì cả người da đen và người da nâu đều giống nhau. Nhưng người da đen vẫn còn là những con người dã man bí hiểm. Trái tim bí mật là thứ của chỉ riêng họ, không hề chia sẻ cho ai. Vì thế mà những người Fufuti, vốn biết rõ cách sống của những thổ dân da đen, vô cùng ngạc nhiên khi thấy Karaki chấp nhận cái gã ăn mày phiêu bạt chẳng đáng một đồng kia vào trái tim của cậu.

- Này Johnny - Gã Tàu lai Moy Jack gọi - tốt hơn là mày đi lôi cái thằng chủ của mày về đi. Gã đã uống quá nhiều rồi, đồ chết treo.

Karaki rời cái mái che bằng lá dừa nước nơi cậu đã kiên nhẫn ngồi chờ hơn một tiếng đồng hồ, cậu tiến đến để nhận lấy cái đồng người nhào nhoẹt đang bị tên Tàu lai xô đẩy ra khỏi cửa. Cậu thành thạo tóm lấy cổ tay và đỡ vào nách gã, rồi lão đảo dừ gã ra bên tàu. Moy Jack đứng ở ngưỡng cửa cái quán theo dõi hai thầy trò với vẻ quan tâm cay độc.

- Này thằng nhỏ - Hấn bảo - việc quái gì mà mày phải chiều chuộng cái thằng chủ đó như thế? Nếu mày đưa thằng cho tao những viên ngọc trai kia hử, tao sẽ trả mày khối tiền - tao thề đấy!

Điều khiến Moy Jack bức bối nhất là hấn phải cung cấp rượu uống hàng ngày cho cái gã da trắng này để đổi lấy một vài viên ngọc trai mà Pellett vẫn kiếm được luôn. Hấn biết những viên ngọc đó từ đâu ra. Karaki đã lặn trộm xuống vịnh, nơi không được phép, để lấy chúng. Moy Jack bán lậu những viên ngọc này vớ được vô khối lãi, nhưng hấn biết sẽ kiếm được khá hơn nhiều nếu như hấn có thể làm ăn trực tiếp với Karaki không qua Pellett, mà chỉ cần vài bó thuốc lá là đủ.

- Việc quái gì mà mày phải đưa cho gã tất cả những viên ngọc trai ấy thế hả? - Moy Jack hung hăng căn vặn - Cái thằng ấy xấu lắm, đồ chết treo. Kệ mẹ cho nó chết đi.

Karaki không đáp. Cậu ta nhìn Moy Jack một cái và gã Tàu lai lăm bằm bỏ đi. Trong một thoáng có một tia sáng lạ lùng lóe lên trong cặp mắt lơ dờ của Karaki, giống như ánh chớp xanh xẫm vẫn lóe lên trên mặt biển rực ánh nắng, khi có một con cá mập đang xoay mình tấp mồi dưới độ sâu mười sải nước...

Karaki chán ngán cái việc phải đi xuống bờ biển, đến cái chòi nhỏ lợp lá dừa sài vốn là nhà ở của cậu hiện giờ. Cậu nhẹ nhàng đặt Pellett lên tấm bạt buồm cũ, kê đầu gã lên một cái gối, lau rửa cho gã bằng nước lạnh, chăm chút chải sạch rác bẩn trên mái tóc và bộ râu quai nón của gã. Bộ râu của Pellett mới thật là râu chứ, chúng chia ra giống như râu cá trê, có màu đỏ rực như đồng thau với ánh vàng lộng lẫy. Karaki âu yếm chải bộ râu bằng một cái lược gỗ. Sau đó cậu ngồi bên cạnh phe phẩy cái quạt lá dừa, để đuổi không cho lũ ruồi bầu vào bộ mặt ềnh ệnh nước của gã nghiện rượu.

Khoảng quá giữa trưa một tý thì có điều gì đó khiến cho cậu chạy vội ra nhìn trời. Vài tuần nay cậu đã nghiên cứu mọi dấu hiệu của thời tiết. Cậu biết rằng sự thay đổi này xảy ra khi gió mùa đông nam bắt đầu thổi mạnh lên, xuyên qua vành đai biển lặng và các cơn gió chướng. Trong khi cậu đang theo dõi luồng gió thì bóng râm bắt đầu mờ đi dọc theo bờ cát và một màng sương mỏng phủ lên bề mặt mặt trời.

Tất cả dân chúng Fufuti đều đã thiếp ngủ. Những gã trai trong đội gác đang ngáy ở hiên sau. Nằm trong màn, ông chủ đại lý vui sướng mơ thấy những chuyến tàu chất đầy cùi dừa mang lại bao nhiêu lợi lộc. Moy Jack đang chiết thứ rượu dỏm của hấn vào chai. Chẳng có ai lại điên đến mức đi lại ngoài trời vào giờ nghỉ giữa trưa nắng như đồ lừa này: chẳng có ai ngoài Karaki, cậu trai da đen hoang dã, người chẳng bận tâm gì đến các bạn hàng hay các giấc mơ. Bước chân nhẹ nhàng của cậu chìm đi trong tiếng sóng vỗ đều đều vào kè chắn sóng. Cậu đi tới đi lui như một bóng ma. Và trong khi cả Fufuti ngủ say, cậu cầm cúi làm cái công việc mà chẳng có ai thuê cậu cả...

Từ lâu Karaki đã biết rõ hai điều sống còn đối với cậu: đó là nơi để cái chìa khóa cửa hàng và nơi cất súng đạn. Cậu lấy chìa khóa, mở cửa hàng và chọn lấy ba súc vải màu đỏ Thổ Nhĩ Kỳ, một vài con dao, hai hộp thuốc lá và một cây riu nhỏ rất bén. Nếu là người khác thì hấn cậu đã lấy thêm một vài thứ khác nữa, nhưng Karaki là một cậu trai có nhu cầu đơn giản và biết làm nhiều việc.

Tiếp theo, cậu dùng chiếc riu phá cái hòm đựng súng và lấy ra một khẩu Winchester với một hộp đựng đầy các băng đạn. Cậu lại dùng riu phá cửa cái nhà kho cất thuyền. Cuối cùng, cũng bằng cái riu đó, cậu phá tan đáy của con thuyền săn cá voi và hai chiếc thuyền một buồm khác để không ai có thể sử dụng được chúng trong nhiều ngày sắp tới. Đó quả là một cái riu rất vừa tay, tiện lợi, giống như cái riu của thổ dân da đỏ, lưỡi uốn cong và rất sắc bén. Karaki gại gại cái lưỡi riu sắc, rồi chém xuống từng nhát mạnh với cái vẻ hài lòng của một thợ thành thạo. Cái riu dường như là chiến lợi phẩm ưng ý nhất của cậu.

Chiếc proa đậu bên bờ biển, đó là một loại bè nhỏ kết bằng cây sậy có buồm sử dụng mái chèo, bụng phình ra mà những người dân ở Bougainville quê của Karaki vẫn quen dùng, mũi và đuôi thuyền cong vút lên như hình lưỡi liềm. Đợt gió mùa tây bắc mới đây đã đánh giạt nó vào bờ biển Fufuti, và Karaki đã sửa sang lại nó

bằng những phương tiện của ông chủ hiệu buôn. Chiếc bè bây giờ được cậu kéo xuống cái vịnh nhỏ, và cậu chất lên bè những thứ chiến lợi phẩm mà cậu vừa kiếm được.

Cậu vội vã thu thập các thứ đồ ăn thức uống. Cậu lấy một bao gạo và một bao khoai tây. Cậu cũng khuôn theo thật nhiều dừa, cậu lấy một cái túi lưới bỏ dừa vào và phải đi ba chuyến mới mang hết. Cậu lấy một thùng nước và một thùng bánh bích qui. Và lúc đó xảy ra một chuyện kỳ cục.

Khi đi tìm thùng bánh bích qui, cậu mò vào trong kho đựng rượu của ông chủ cửa hàng, ở đó có một tá chai whisky Allen loại hiếm. Cậu liếc nhìn và bỏ qua chúng. Cậu biết chúng đáng giá như thế nào, và cậu là một gã mọi rợ, một người da đen, với họ những chai whisky đó đáng giá cả một gia tài. Nhưng cậu bỏ qua chúng. Sau này, khi Moy Jack nghe thấy chuyện đó, gã nhớ lại cái ánh mắt của Karaki mà có lần gã đã bắt gặp, và đánh bạo tiên đoán một điều là Karaki sẽ chẳng bao giờ chịu để cho ai bắt sống mình cả.

Khi mọi thứ đã sẵn sàng, Karaki trở về túp lều của cậu và dựng Pellett dậy.

- Nào, ông chủ, ông đi theo tôi.

Pellett ngồi dậy đờ đẫn nhìn cậu ta. Gọi là nhìn thế thôi, còn gã có nhìn thấy cái gì hay không thì đó thuộc vào số những vấn đề mà khoa tâm thần học còn chưa giải đáp được.

- Muộn quá rồi hả - Pellett làm ra vẻ vẫn còn tỉnh táo - Quán đóng cửa hả. Anh bạn tốt bụng. Chúc ngủ ngon, cái lũ lười nhác này. Tớ... tớ... đi ngủ đây!

Và rồi gã nằm vật xuống nền nhà.

- Dậy đi, ông chủ - Karaki giục giã, cố lay gã dậy - Ông chủ say quá rồi. Này này, ông chủ! Rum! Ông có muốn rượu rum không? Ông sẽ uống tha hồ, tôi thề đấy! Tha hồ rum, ông chủ!

Nhưng ngay cả câu thần chú đó, vốn chưa bao giờ thất bại trong việc dựng Pellett dậy khỏi cái sạp giường của gã vào mỗi buổi sáng, thì lúc này cũng dường như rơi vào khoảng không. Pellett đã nốc đầy bụng, và mọi biểu hiện đều cho thấy rằng có lẽ gã sẽ còn say như thế suốt cả ngày.

Karaki quỳ bên cạnh gã, cô vịn gã ngồi dậy để cậu có thể ghé được một bên vai xuống giữa thân người gã. Rồi cậu vác gã lên như vác một tảng thịt bùng bùng. Pellett nặng hơn chín mươi ký; còn Karaki thì chỉ hơn năm mươi một tý. Nhưng với sự khéo léo bẩm sinh của một cu li khuôn vác, cậu trai da đen bé nhỏ này vác cái gánh nặng của cậu, chân gã say kéo lết ở phía sau, đi thẳng một lèo xuống bãi biển. Hơn nữa, cậu còn xoay xở để đặt được gã lên sàn chiếc bè. Pellett ngập nửa người dưới nước và chiếc bè cũng thế. Nhưng Karaki vẫn lo liệu ổn thỏa.

Không ai nhìn thấy họ rời bến cả. Cả Fufuti vẫn còn đang thêm thiếp ngủ. Và nhờ luồng gió mùa thổi mạnh, chiếc bè có hình dáng cong vút như lưới liềm đã ra khỏi con vịnh và nhặt nhòa bóng dáng tí ngoài biển khơi từ lâu trước khi những người ở văn phòng hãng buôn kịp thức dậy và tỉnh ngủ hoàn toàn.

Trong ngày đầu tiên, Karaki đã làm hết sức để giữ cho chiếc bè đi thẳng dưới cơn gió mạnh. Những con sóng lớn đầy bọt trắng cứ dồn đuổi nhau từ phía Đông nam tới và sẵn sàng tràn qua mặt bè nếu cậu cho chúng cơ hội để làm thế. Cậu chỉ là một kẻ bán khai không biết dùng la bàn để đo kinh tuyến. Nhưng tổ tiên của cậu vốn là những người đã quá quen thuộc với những chuyến du hành tại vùng biển này, trên những chiếc bè nhỏ những mảnh vỏ hến, mà so sánh với chúng thì chuyến đi của Côlômbô chẳng khác nào cưỡi phà qua sông. Karaki tát nước bằng một cái lon thiếc và điều khiển bè bằng một cánh buồm, cậu lái nó bằng chiếc mái chèo: nhưng cậu vẫn tiến lên.

o o o

Mãi cho đến lúc mặt trời mọc, Pellett mới bắt đầu cựa quậy dưới đáy chiếc bè và ngẩng bộ mặt xanh lè lên. Gã bối rối nhìn lướt qua quang cảnh ngồn ngộn xung quanh, rồi lại ngã vật xuống cùng với một tiếng rên rĩ. Sau một lúc gã lại cố nhòm dậy nhìn một lần nữa, nhưng cái cảnh tượng mà gã nghĩ là do ảo giác đó vẫn không qua đi. Gã vận vẹo trườn đến chỗ Karaki, cậu đang ngồi gập mình, toàn thân bóng loáng vì những bụi nước bắn lên ở đuôi chiếc bè.

- Rum! - Gã nài nỉ.

Karaki lắc đầu, với ánh mắt của con thú sẵn mồi làm Pellett rùng cả mình.

- Đẹp... đẹp hết cái đồng lộn xộn này đi. - Gã van nài thăm thiết, chỉ tay ra biển...

Trong hai ngày tiếp theo gã cảm thấy rất khó ở. Gã biết trong vùng biển này, chiếc bè nhỏ tí tẹo có tới 47 hướng khác nhau để mà đi. Đó không phải là một hiểu biết vớ vẩn, nhưng ai rành vùng biển này vẫn thường nói thế. Lúc này đây, chuyện đó gần như do một định mệnh nào đó mách bảo cho Pellett.

Vào ngày thứ ba gã thức dậy với cái miệng đầy mùi da thuộc và rất đuối sức, nhưng gã đã có thể điều khiển được cơ thể với những sức lực ít ỏi của gã. Gió đã ngừng và Karaki đang im lặng chắt mảy quả dừa tươi. Pellett háo hức uống nước từ hai quả dừa trước khi gã kịp nhớ đến rượu brandy, thứ mà gã luôn luôn pha vào sữa dùng cho bữa sáng. Nhưng khi nhớ đến thì nước dừa nghẹn lại trong cổ gã.

- Tao muốn rum.

- Không uống rum.

Pellett ngó trước ngó sau, nhìn lên cánh buồm rồi nhìn xuống chiếc bè. Lần đầu tiên từ mấy bữa nay, gã mới ý thức được sự lạ lẫm của hoàn cảnh hiện tại.

- Mà đang làm cái quái gì thế? - Gã hỏi.

- Ta bị một cơn bão mạnh cuốn ra biển. - Karaki giải thích.

Pellett không đủ khả năng để nhận thức được tình trạng của gã. Gã cũng không đủ khả năng để nhận ra, từ những thứ đồ đạc được chuẩn bị cẩn thận trên bè, rằng họ không phải tình cờ bị cuốn ra biển trong một chuyến đi mò ngọc trai bình thường. Pellett đang còn có nhiều thứ khác để suy nghĩ. Có một số thì màu hồng, một số khác màu tím, và cũng những thứ có sọc sặc sỡ như màu sắc cầu vồng theo một kiểu cách lạ đời nhất, và tất cả đều rất mới lạ và thú vị. Chúng ủa ra từ trong tâm hồn sâu thẳm như để chuyện trò với gã. Đó là điều chúng làm.

Anh không thể nào bắt một người đàn ông đã say xỉn liên tục trong suốt hai năm, giờ phải nhịn uống trong nhiều ngày liền mà không gây ra những hiệu ứng phụ ít nhiều khác thường. Đó là những ngày của những bài thơ tình và những bản Thánh ca, khi chiếc bè chạy phăng phăng qua vùng biển phương nam vắng lặng. Tay chân bị ràng và bị cột vào một chiếc đà ngang, Pellett như mê sảng với những vần thơ thời tuổi trẻ ngây thơ của gã. Có điều là chẳng có ai nghe gã, trừ mỗi mình Karaki. Nhưng cậu nào có quan tâm gì đến các bài thơ tình ngắn ngủn, đọc cho cậu nghe những vần thơ "Atalanta ở Calydon" thì chẳng khác gì đem đàn mà gảy tai trâu. Thỉnh thoảng cậu lại té một ít nước biển lên người gã đàn ông da trắng, hay căng cánh buồm để che nắng cho gã, hay buộc gã phải uống một ít nước dừa. Karaki là một thánh giả tồi, nhưng lại là một hộ lý xuất sắc. Cậu vẫn cẩn thận chải chuốt bộ râu của Pellett mỗi ngày hai lần.

Họ bơi đi trên biển lặng thanh bình. Nhưng những cơn gió mùa lại thổi mạnh hơn, vậy nên Karaki phải đánh liều đi về hướng tây, và chiếc bè lướt đi dưới bầu trời sáng chói như màu đồng thau.

Ôi trái tim, trái tim của tôi

Sao em lạnh như tro tàn trong lò sưởi

Hỡi những ai thấy tôi

Không sáo, không đàn

Hãy hát vì tôi những lời buồn rầu

Cho những gì tôi mong ước bấy lâu...

Đó là Christopher Alexander Pellett đang hát. Bộ mặt gã bắt đầu tươi tỉnh hơn một chút, không còn trông như là tảo hén nữa..

Cứ khi nào có cơ hội là Karaki lại ghé vào một cái vụng nhỏ giữa những hòn đảo tí xíu mà công ty Santa Cruz trồng hạt tiêu. Cậu ghé vào đó để tranh thủ nấu cơm và luộc khoai trong cái lon thiếc. Làm như thế rất mạo hiểm, vì một hôm họ vớ phải một hòn đảo có người ở. Hai người đàn ông da trắng bơi xuống ra chặn họ lại. Karaki không thể che giấu cái bộ dạng một gã da đen bỏ trốn của cậu, và cậu cũng không định làm thế. Nhưng khi chiếc xuồng đến gần khoảng 15 mét, cậu thành linh chứng tỏ mình là một người da đen bỏ trốn

bằng một khẩu súng. Cậu bắn chìm chiếc xuồng và giết chết một người đàn ông.

- Có một lỗ đạn bên cạnh tao đây này - Pellett nói vọng ra từ dưới tấm ván ngang - tốt hơn là mày trám nó lại đi.

Karaki trám lỗ thùng lại và cời trói thả người hành khách bất đắc dĩ của cậu ra. Gã ngồi dậy và vươn vai với một vẻ tò mò ngây thơ.

- Đúng là mày rồi - Pellett kêu lên, mắt nhìn chăm chú vào Karaki - Lạy thánh George, phải mày mà, thật may quá.

Gã nói đúng. Đúng là Karaki thực.

- Mày đưa cái bè này đi đâu thế?

- Balbi - Karaki đáp, dùng tên của thổ dân chỉ Bougainville để trả lời.

Pellett huýt gió. Một cuộc đào thoát tám trăm dặm trên biển khơi trên một chiếc bè như thế này thì quả là một công việc đáng nể. Nó buộc gã phải tỏ lòng kính trọng Karaki. Hơn nữa, gã vừa có bằng chứng rõ ràng về khả năng của cậu trai da đen nhỏ thó này.

- Balbi có phải là quê mày không hả?

- Phải.

- Được thôi, thuyền trưởng ạ. - Gã bảo - Tới đi. Tao không biết tại sao mày lại lôi tao đi cùng, nhưng tao thì tao biết tổng mày rồi.

o o o

Thật lạ lùng, hay có lẽ cũng không lạ lùng cho lắm, là toàn bộ quãng thời gian ở Fufuti trong cuộc đời gã đang mờ dần đi trong ký ức, khi chất độc của rượu còn đang bót dần đi từ cơ thể gã. Cái gã Christopher Alecxander Pellett đã từng tồn tại trong những năm nào đó ngày xưa lại xuất hiện: một gã khá hư hỏng, đúng thế, một kẻ vô trách nhiệm, lười biếng, đáng khinh bỉ, nhưng có những tình người bình thường và có trí thông minh hơn người thường.

Thoạt đầu gã rất yếu, nhưng món nước dừa và khoai lang luộc của Karaki quả là có tác dụng kỳ diệu đối với gã. Và rồi đến một lúc gã lại có thể thấy vui thích với vị mặn của muối biển trên môi và quên bẵng đi trong nhiều giờ cái ước muốn điên cuồng muốn được kích thích bằng rượu. Họ làm thành một thủy thủ đoàn kỳ quặc, cái cặp này - một cậu thổ dân bán khai giản dị và một gã nghiện rượu ốm dờ - nhưng cũng chẳng có vấn đề gì về chuyện ai thầy ai tớ cả. Điều này có thể thấy rõ vào tuần lễ thứ ba, khi mà thức ăn dự trữ trên bè bắt đầu cạn và Pellett nhận thấy Karaki hầu như chẳng ăn gì suốt cả ngày.

- Coi này, không thể thế được. - Gã kêu lên - Mày đưa quả dừa cuối cùng cho tao, còn mày thì chẳng ăn miếng nào.

- Tôi không muốn ăn. - Karaki đáp cụt lủn.

Christopher Alecxander Pellett đã nghiền ngẫm nhiều chuyện trong những giờ vắng lặng dài dằng dặc, khi mà âm thanh duy nhất giữa trời nước mênh mông là tiếng bọt nước chảy ào ào dưới đáy bè và tiếng kèn kẹt của những mái chèo. Thỉnh thoảng nỗi đau của quá khứ lại làm cho trán gã nhăn lại. Không phải lúc nào người ta cũng dễ chịu khi phải lội ngược dòng về với những ký ức của mình. Những suy tư không phải là người đồng hành dễ chịu để tiêu nỗi sầu. Gã đã từng có những cơn mê cuồng ghê sợ. Giờ đây gã phải đối mặt với những điều khủng khiếp còn hiện thực hơn nhiều trong quá khứ của gã. Trước đây gã đã chạy trốn chúng.

Nhưng gã chẳng trốn được bất cứ cái gì. Và giờ đây gã quay lại tóm lấy chúng và mổ xẻ chúng lần lượt từng cái một.

o o o

Khi họ đã ở trên biển được hai mươi chín ngày thì đồ dự trữ chẳng còn lại gì ngoài một ít nước. Karaki dè

xén từng chút một bằng cách nhỏ vài giọt lên một mảnh xơ dừa rồi đưa cho Pellett mút. Bất chấp sự phản đối quyết liệt của Pellett, cậu ta chẳng động đến một giọt nước nào. Lại là cậu trai thổ dân chăm chút cho gã rác rưởi kia, lần này là trong cơn khát đã đến những giới hạn cuối cùng, cậu chắt ra từng giọt nước trong thùng vào miếng xơ dừa và vắt cho gã uống cho đến giọt cuối cùng.

Vào ngày thứ ba mươi sáu rời khỏi Fufuti, họ nhìn thấy đảo Choiseul, một bức tường màu xanh từ từ hiện lên ở phía tây.

Khi nhìn thấy những mũi đất xanh rờn của hòn đảo, Karaki dường như đang tận hưởng một sự đắc thắng ngấm ngấm nào đó. Cậu đã nhắm làm đích toàn bộ chiều dài của quần đảo Solmons, đầu chừng sáu trăm dặm. Nhưng để đến được dù bất cứ hòn đảo trải dài theo chiều ngang của nó, trên một chiếc bè như mảnh vỏ hến, vượt qua bão tố và những luồng biển chảy xiết, mà trong tay chẳng có lấy một dụng cụ hàng hải hay một tấm bản đồ nào cả thì đó quả là một kỳ công. Nhưng Karaki chẳng lấy đó làm vui mừng. Thay vì thế, cậu cứ ngoái nhìn mãi qua vai một cách lo âu về hướng đông.

Gió đã giật lên từng cơn từ sáng sớm. Đến trưa nó dịu đi trên mặt biển lặng yên như tờ. Nếu có phong vũ biểu thì nó đã báo hiệu nguy hiểm, nhưng Karaki chắc chắn đã đoán được điều đó, vì cậu vẫn díc dắc bơi tiếp và không hạ lá buồm nhỏ xuống. Rồi cậu xếp buộc lại tất cả đồ đạc cho an toàn dưới lớp ván bè và dồn hết sức đẩy mái chèo, hướng bè tới một hòn đảo nhỏ phía trước, nơi hiện ra một đường bờ biển màu trắng. Cho đến giờ họ đã rất may mắn, nhưng họ vẫn còn cách bờ biển hai dặm khi những cơn cuồng phong đầu tiên tóm được chiếc bè.

Karaki đã gầy rộc đi chỉ còn da bọc xương, còn Pellett thì hầu như không nhấc nổi chân tay. Nhưng Karaki vẫn chiến đấu bảo vệ cho Pellett giữa các đợt sóng đang dựng lên giống những bức tường nước chồm qua cánh buồm. Không thể nói vì sao và bằng cách nào mà họ qua được cơn bão. Có lẽ đó là vì định mệnh đã ghi rõ rằng, sau khi say xỉn, ốm yếu, điên loạn và đói khát, gã da trắng sẽ phải được cậu da đen cứu thoát thêm một lần nữa và là lần cuối cùng khỏi vùng biển đói mồi này. Khi cập vào được bờ hòn đảo thì cả hai gần như tuột hết cả da, nhưng họ vẫn còn sống, và Karaki vẫn còn túm chặt lấy áo của Pellett...

Họ ở lại trên đảo khoảng một tuần, trong khoảng thời gian đó Pellett vỗ béo thỏa thích bằng dừa tươi còn Karaki cặm cùi sửa sang lại chiếc bè. Nó giạt vào bờ trong tình trạng tồi tệ tởm nùng, nhưng những tài sản quý giá của Karaki vẫn an toàn. Cậu kiếm được đồ sửa bè từ một người thổ dân đánh cá bơi ngang qua đảo, và rồi cậu biết rằng tất cả kho báu của cậu đều an toàn. Hòn đảo quê cậu nằm bên kia vịnh Bougainville, chỉ qua một vùng nước nữa là đến.

- Balbi ở đằng kia hả? - Pellett hỏi.

- Phải. - Karaki đáp.

- Như thế thì lại càng hay - Pellett hào hứng kêu lên - Đây là ranh giới cai trị của nước Anh, anh bạn nhỏ ạ. Lão chủ béo ị người Anh của cậu phải dừng lại ở đây, không được sang bên kia.

Karaki biết rất rõ điều đó. Nếu mà cậu phải sợ thứ gì nhất trên đời này thì đó chính là Tòa án Tối cao Fiji và ông Cao ủy vùng miền Nam quần đảo Solomons, người có quyền xét xử tất cả những ai vi phạm pháp luật ở đây. Chừng nào còn chưa qua được bên kia con vịnh thì cậu còn phải chịu trách nhiệm về việc lấy cắp hàng hóa, phá vỡ hợp đồng, phá hỏng thuyền bè và giết một người da trắng. Nhưng vấn đề là ở bên kia vịnh, ở Bougainville, cậu sẽ không bao giờ, phải, không bao giờ bị trừng phạt vì những gì mà cậu đang định làm.

Và thế là Karaki sẽ được thỏa lòng.

Và Christopher Alec Alexander Pellett cũng thế. Thân thể gã đã được chà xát, giặt tẩy, gột rửa. Gã đã gạt bỏ những cái ác trong con người gã. Không khí mát lành và ánh nắng mặt trời đang động trên môi và trong trái tim gã. Gã như có được một cơ thể mới trong con người gã. Vì sức sống đã trở lại nên gã vui thích bơi lội trong con vịnh hay giúp Karaki sửa chữa chiếc bè. Gã đã bỏ nhiều giờ để lặn lội trên cát ấm hay thưởng thức những hoa văn kỳ lạ trên vỏ các loài ốc biển, luôn miệng hát khe khẽ, trong khi các con sóng đang lặng dần đi dọc bờ biển, gã tận hưởng cuộc đời cứ như chưa từng được hưởng bao giờ.

- Ô, đúng thế, chuyện đó hay lắm! - Gã lại kêu lên.

Karaki làm gã phải bối rối. Không phải vì cái vẻ cười cợt lạ lùng với mọi thứ, giống như trẻ con, luôn động trên nét mặt của cậu ta suốt mấy hôm nay làm gã bức mình. Nhưng gã cứ nghĩ mãi về cái cậu trai bán khai

lầm lì, làm sao mà cậu ta lại có thể dành cho gã sự chăm sóc ân cần không hề vụ lợi, cùng với sự hy sinh tận tụy hiếm thấy như thế. Bây giờ là lúc gã có thể xem xét một cách tỉnh táo lý do của chuyện đó, điều vốn vượt quá sự hiểu biết của gã. Tại sao? Thương hại ư? Hay là tình bạn? Chắc là thế rồi. Và gã nhận thấy một tình cảm ấm áp với cậu trai nhỏ thó lầm lì có cặp mắt lõm sâu và bộ mặt đờ đẫn, một điều mà trước đây có lẽ gã chưa bao giờ buồn để ý tới.

- Này, Karaki, thế quái nào mà mày chẳng chịu cười như tao thế hả? Sao? Mày quá sợ vì chuyện ăn cắp ba cái thứ tạp nhạp này à? Quên chúng đi, đồ quỷ đen. Nếu họ rầy rà mày thì tao sẽ lo cho. Thế có thánh George, tao sẽ bảo là chính tao lấy đấy, được chưa!

Karaki chỉ lầm bầm, rồi cậu ngồi xuống lau chùi khẩu Winchester bằng một miếng giẻ, nhỏ cho nó vài giọt dầu mà cậu ép được từ những mảnh cùi dừa khô.

- Không phải, chuyện đó chẳng ăn nhằm gì với nó cả, - Pellett lầm bầm chịu thua - tao chẳng hiểu có cái gì đang diễn ra trong cái đầu của mày thế, nhóc ạ. Mày giống như con mèo của Kipling, lúc nào cũng một mình. Có Chúa biết cho, tao không phải loại người vô ơn. Giá như tao có thể cho mày hiểu ...

Gã chồm dậy.

- Karaki! Mày là một thằng bạn tốt, hả? Mày là thằng bạn tốt của tao, hả? Hai thằng mình sẽ là bạn tốt, hả? Tao thề đấy!... Sao hả?

- Phải! - Karaki đáp. Không thêm một lời nào nữa. Cậu nhìn Pellett rồi quay đi, hướng mắt về phía Bougainville - Phải, tôi cũng thề đấy.

Và cậu tiếp tục lau chùi khẩu súng của cậu - cậu thổ dân trên đảo nước da đen đúa, lầm lì, không thể hiểu nổi, luôn luôn bí ẩn cho đến tận cùng.

° ° °

Cái tận cùng đó đến vào hai ngày sau tại Bougainville.

Dưới ánh nắng ban mai rực rỡ, họ tiến vào một cái vụng đang mở ra trước mũi chiếc bè, bãi cát hai bên vụng những cánh tay lấp lánh đón chào. Đất liền phủ tấm áo sáng màu như đang mơ màng nửa thức nửa ngủ, mọi vật đều sum suê rạng rỡ, có thể cảm nhận được, thân thiết gần gũi, đầy xúc cảm với cuộc đời, đầy hương thơm ấm áp...

Đó là những câu cú lộn xộn, ngớ ngẩn mà Pellett lầm nhảm với mình khi gã nhảy lên bờ cát và chạy lên một mũi đá chia ra biển để nhìn, để cảm và để hút lấy cho mình tất cả những gì say mê quyến rũ của nơi này.

Trong khi đó Karaki, cái cậu nhỏ giản dị và thạo việc, đang tiến hành một cách có phương pháp những công việc của chính cậu. Cậu chuyển lên bờ mấy bó quần áo, thuốc lá, những con dao và các thứ chiến lợi phẩm khác. Cậu mang lên bờ thùng đạn, khẩu súng và cái riêu tay bén ngót của cậu. Hàng hóa hơi bị hư hại một chút vì nước biển, nhưng vũ khí thì được giữ gìn rất cẩn thận, chúng đều sạch sẽ và bóng loáng...

Pellett đang mãi cao giọng đọc thơ cho cái nơi hoang vu quyến rũ này thì bỗng gã nghe thấy có tiếng bước chân nhẹ nhàng phía sau. Gã quay người lại và ngạc nhiên nhìn thấy Karaki, đứng ngay đằng sau gã với khẩu súng tựa ngang hông và lưỡi riêu bén ngót trong tay.

- Ủa - Pellett thân ái hỏi - mày muốn gì à, anh bạn nhỏ?

- Tôi muốn, tôi rất muốn - Karaki đáp, còn trong mắt cậu lóe lên cái tia sáng kỳ dị mà Moy Jack đã một lần bắt gặp ở Fufuti, nó giống như ánh chớp xanh xẫm lóe lên trên mặt biển rực nắng, khi có một con cá mập đang xoay mình dưới độ sâu mười sải nước - cái tôi rất muốn là cái đầu của ông chủ đấy!

- Hả? Đầu! Mày nói cái đầu của tao?

- Phải. - Karaki đáp cụt lủn.

Thì ra chuyện là thế. Mọi điều bí ẩn té ra là thế. Thằng mọi này mê mẩn cái đầu của gã. Và Christopher Alexander Pellett đã bị bộ râu quai nón định mệnh đỏ rực như lửa của mình phản bội. Ở quê của Karaki, một cái đầu của người da trắng, được sấy khô và hong khói kỹ càng, là thứ còn được ao ước hơn cả của cải, hơn

cả đất đai, hơn cả vinh quang quyền lực và hơn cả đàn bà nữa. Cả vùng đảo quê của Karaki chẳng ai có được cái đầu đẹp như cái đầu với hàm râu quai nón đỏ như lửa của Pellett. Vì thế Karaki đã sắp xếp một âm mưu để giành cho được nó với một sự kiên nhẫn và một niềm tin kiên định chẳng kém gì thánh Jacob. Vì nó mà cậu đã bố trí một kế hoạch và kiên nhẫn chờ đợi, đã phạm tội ăn cắp và giết người, đã tiêu tốn biết bao mồ hôi và thi thố biết bao mưu mẹo xảo quyệt, nhin đói nhin khát, quên cả bản thân mình, chăm nom, theo dõi, vỗ về, nuôi nấng và cứu sống cái người da trắng của cậu, cốt để mang bằng được cái đầu đẹp để đó, còn sống, còn nhảy nhót, về cái nơi mà cậu có thể hài lòng cất nó ra và tận hưởng thành quả lao động của cậu một cách an toàn mà không phải lo sẽ bị trừng phạt.

Pellett hiểu ra tất cả những chuyện đó trong một khoảnh khắc, hiểu trong chừng mực mà bất kỳ một người da trắng nào cũng có thể hiểu được với toàn bộ sự đơn giản sơ đẳng và ngu xuẩn của nó. Đứng đó dưới bầu không khí ban mai trong lành đầy hứa hẹn, với một sức mạnh và sự sáng suốt vừa mới được hồi sinh, gã bật lên tiếng cười lạnh lạnh vang xa trên mặt nước làm cho những con chim biển hoảng hốt bay khỏi vách đá, tiếng cười sâu từ ngực phát ra của người đàn ông đã hiểu ra và chấp nhận trò đùa cợt tối hậu của số phận của mình.

Để kết thúc bằng một bảng liệt kê chính xác, tất cả tài sản của Christopher Alexander Pellett là như sau: cái tên của gã mà cho đến giờ vẫn chưa bị sút mẻ, một chiếc áo khoác kiểu lính thủy, một bộ râu quai nón đỏ rực chói mắt - và một linh hồn vừa mới được anh bạn nhỏ Karaki tẩy rửa phục hồi, trả lại sinh khí, làm cho sống lại.

Sẽ có một ngày

Anh vui mình trong lòng đất lạnh

Sẽ không có ai

Nhỏ cho anh một giọt nước mắt khóc thương

Sẽ không có ai

Lấp đầy tại anh những lời tặng bốc

... một tài hoa sáng chói

... đang tuổi thanh xuân

Đó là Christopher Alexander Pellett đang hát trên mặt nước thanh bình của con vịnh rồi gã vung tít và đang rộng hai cánh tay.

- Bắn đi, đồ chó! Giá rẻ quá mà!

Quỷ Biển

Joseph Payne Brennan

Dịch giả: Trịnh Huy Hóa

Một tấm áo thun khổng lồ màu xám đen đang di chuyển dưới đáy biển. Nó trườn đi trong lớp bùn nhão giống như một loài nhuyễn thể kỳ quái đầy si mê háo hức với cuộc sống sục sạo săn mồi. Nó cứ thay đổi giữa dạng nhầy nhót và dạng lỏng. Có lúc nó trải dẹt ra và trôi đi trên thảm bùn giống như một vết mực loang; thỉnh thoảng nó dừng lại, thu mình vào và nhô lên cao khỏi đám bùn hình thành một chóp nón không rõ hình thù hay một cái mũ tròn khổng lồ. Mặc dù nó không có mắt, nhưng nó có xúc giác cực kỳ phát triển, và nó có sự nhạy cảm rất cao với những xung động dù nhỏ nhất na ná như một kiểu ngoại cảm. Nó rất mềm dẻo, hầu như không có hình thù. Nó có thể vươn ra những xúc tu rất dài, khi đó nó giống như một con mực quái dị hay một con sao biển khổng lồ góm ghiếc. Nó có thể ép mình thành một cái đĩa tròn dẹt, hay thu mình lại thành một cái bướu không đều khiến nó giống như một khối đá đen chìm dưới đáy biển.

Nó đi thơ thẩn rình mò dưới làn nước đen ngòm không đáy. Nó hình thành từ khi lục địa và biển khơi còn rất trẻ, nó cũng già lão như chính đại dương vậy. Nó di chuyển trong bóng đêm khôn cùng không có khởi đầu cũng không có kết thúc. Những vực sâu dưới đáy biển đen ngòm nơi nó ẩn náu vốn đã đen ngòm từ thửa khai thiên lập địa - chỉ có một nơi duy nhất đáng sợ hơn nơi đây, đó là những dòng sông ngầm nơi các khoảng trống lòng đất.

Nó được kích thích bởi một bản năng duy nhất, không ngừng, không bao giờ thỏa mãn: một cơn đói tham lam, vô độ. Nó có thể sống nhiều tháng trời mà không ăn uống gì, nhưng chỉ vài phút sau bữa ăn là nó lại đói cồn cào như mọi khi. Sự phàm ăn của nó thật đáng sợ và không thể đo lường được.

Dưới đáy biển lạnh giá đen như mực, cuộc chiến tranh vì sự sinh tồn thật man rợ, thật ghê gớm - và thường rất ngắn ngủi. Nhưng với cái khối nhầy đang di chuyển này thì không hề có chuyện phải đánh nhau. Nó ăn bất kể thứ gì gặp được trên đường đi của nó, bất kể kích thước, bất kể hình dạng hay tính khí. Nó hút những sinh vật phù du nhỏ xíu và nuốt chửng con mực khổng lồ với một sự dửng dưng y như nhau. Lớp vỏ ngoài của nó có vẻ ít lỏng hơn, có lẽ vì thế mà nó vẫn giữ lại những vết trầy xước, gây ra bởi những cú rút điên cuồng bằng giác hút của loài mực ma khổng lồ vùng biển sâu, hay những vết răng cứt của loài cá mập khổng lồ thời cổ, nhưng dù có như thế thì chúng cũng không thoát khỏi cái mà số phận đã dàn xếp cho chúng. Khi lớp màng nhót sống di chuyển được đó rời khỏi đáy bùn trùm lên chúng, thì những cái chết quằn quại đau đớn nhất so với nó cũng chẳng là gì.

Con thủy quái khủng bố này không biết sợ là gì. Không có gì làm cho nó sợ. Nó ăn bất cứ thứ gì động đậy, hoặc nằm im cố không động đậy, và nó chưa bao giờ gặp thứ gì có thể quay lại ăn thịt nó. Nếu một giác hút của con mực khổng lồ hay hàm răng của con cá mập cắm vào cái thân hình như một khối nhầy nhót của nó, thì từ chỗ bị rách thủng chất nhầy sẽ tuôn ra và vết cắt sẽ lập tức được hàn kín lại. Nếu có một mảnh nào đó bị cắt rời ra thì nó có thể tìm ra và nạp chúng vào cơ thể trở lại.

Cái áo thụng đen khổng lồ này ngự trị trong cái thế giới hoang vu tối tăm của nhầy nhót và câm lặng. Nó mò mẫm sục sạo trong bùn một cách tham lam, nó ăn không ngừng nghỉ và không bao giờ ngủ, không bao giờ nghỉ ngơi. Nếu nó nằm yên thì đó chỉ là cách nó giăng bẫy rình bắt con mồi, mà nếu không làm thế thì con mồi sẽ trốn thoát. Nếu nó đã rượt đuổi với một tốc độ khủng khiếp trên mặt đáy biển trơn nhót thì nó không bao giờ để xổng một kẻ thù nào. Nhưng nó luôn luôn trùm cái khối chất lỏng gớm guộc của nó lên con mồi - đó là cách tấn công duy nhất và vô phương chạy thoát của nó.

Nó sinh ra từ những chất phân hủy và nhầy nhót dưới đáy đại dương nguyên thủy, và nó xa lạ với đời sống bình thường trên hành tinh như một kẻ ngụ cư đến từ một hành tinh hoang vu trong một thiên hà xa xôi nào đó. Nó là một thử nghiệm lỗi nhịp của tự nhiên, mà so với nó thì con hổ răng lưỡi gươm, voi ma mút hay thậm chí cả con khủng long bạo chúa Tyrannosaurus, vị chúa tể khát máu của những loài bò sát khổng lồ, cũng chỉ là những con vật hiền lành, yếu ớt.

Nếu không vì một đợt bộc phát núi lửa rất mạnh dưới nền đáy đại dương, thì kẻ khủng bố đen ngòm kia có lẽ sẽ tiếp tục kéo lê sự tồn tại của nó trên lớp bùn biển lạnh câm và không bao giờ có dịp thể hiện sức mạnh ghê gớm của nó đối với loài người.

Số phận, dưới hình thức một vụ nổ kinh khủng dưới mặt đất bao trùm một vùng đáy biển rộng lớn, đã ném mạnh con quái vật ra khỏi cái thế giới trơn nhót đen thui của nó và ném cái khối nhót bị cuộn tròn đó lên mặt biển.

Nếu như nó là một loài cá sống dưới tầng nước sâu bình thường thì nó đã không thể nào sống sót được sau sự kiện nói trên. Vụ nổ và sự giảm đột ngột của áp suất nước biển khi bị bắn lên khỏi mặt nước sẽ tiêu diệt nó. Nhưng nó không phải là một con cá bình thường. Độ nhầy nhót hay độ dẻo hay cái gì đó đã cấu tạo nên cái cấu trúc giống như con a míp của nó cho phép nó vẫn tồn tại được.

Nó bị tung lên mặt nước mà chỉ hơi bị choáng váng một chút và rơi xuống mặt biển đang nổi sóng. Trong cơn choáng váng nó nổi lênh bênh giống như một đồng mỡ cá voi màu đen khổng lồ. Những con sóng lớn cuộn lên do vụ nổ trong lòng đất lẹ làng cuốn lấy nó, và vì đang choáng váng nên nó không kháng cự lại những núi nước đang cuốn nó đi.

Cùng với tro tàn, bọt đá và những xác cá chết trương phình rải rác, con thủy quái màu đen bị sóng cuốn phăng phăng về hướng bờ biển. Những con sóng thần cao ngất đẩy nó sâu vào đất liền hơn một dặm, và bỏ nó giữa một vùng đầm lầy nước mặn chết.

Cũng may cho nó là vụ nổ dưới lòng biển sâu và con sóng đưa nó vào bờ xảy ra ban đêm, vì thế con thủy quái nhầy nhớt không phải chịu đựng một thử thách mới và rất đáng sợ đối với nó, đó là ánh sáng.

Mặc dù bóng tối lúc nửa đêm của vùng đầm lầy bị bão tràn qua không thể so sánh được với màn đêm đen kịt dưới đáy đại dương, nơi thậm chí tia tử ngoại của quang phổ mặt trời cũng không thể xuyên tới được, nhưng màn đêm nơi đầm lầy tuy vậy cũng tăm tối và sâu thẳm.

Khi con sóng lớn hạ xuống, nước rút ào ào qua các bụi gai rậm trở về biển khơi, co thủy quái đen thui bám lấy bãi bùn được bao quanh bởi rừng cây gai đuôi mèo. Nó cảm nhận được về sự thay đổi thành linh, kinh khủng trong môi trường sống của nó và vì thế nó nằm im bất động một hồi lâu, tập trung chú ý vào sự thay đổi khó hiểu bên trong cơ thể của nó, khi không có sức ép kịch liệt của nước và không còn được bao bọc bởi nước biển lạnh giá. Khả năng thích nghi của nó thật khủng khiếp và thật khó tin. Nó chỉ cần vài giờ để đạt được những gì mà một sinh vật bình thường chỉ có thể có được qua một quá trình tiến hóa lâu dài. Ba giờ sau khi con sóng lớn đẩy nó lên bãi bùn, nó đã trải qua một cách mau lẹ những thay đổi bên trong cơ thể khiến cho nó cảm thấy dễ chịu hơn trong môi trường mới.

Thực ra nó cảm thấy nhẹ nhõm và linh hoạt hơn nhiều so với khi còn sống dưới đáy biển sâu.

Khi nó bung các xúc giác ra và bắt đầu thu nhận những rung động và sóng phản xạ dù nhỏ nhất trong vùng đầm lầy, cơn đói nguyên thủy của nó lại hồi sinh với sự thúc bách lần ắt tất cả. Và đã xảy ra một điều là các cơ quan cảm giác này bắt đầu trở thành một cái gì đó thật khó tin, đóng vai trò như bộ não cho nó, sự chuyển hóa đó đã kích thích nó một cách cực kỳ. Ngay lập tức nó cảm thấy cái đầm lầy này chứa đầy những mẫu thức ăn ngon lành đang run rẩy - nhiều thức ăn hơn, và thức ăn cũng đa dạng hơn những gì nó đã từng kiếm được dưới đáy biển sâu lạnh lẽo.

Cơn đói hoang sợ, không dứt của nó dường như trở nên không thể chịu đựng nổi. Khối chất nhầy của nó được quét qua bởi một cơn run rẩy hưng phấn lan khắp toàn thân.

Trườn khỏi bãi bùn, nó lướt qua đám cỏ đuôi mèo vào một vùng gần đó gồm những đầm nước sâu có những đám bèo nước giăng ngang. Những thân cỏ đại nhô lên và những thân cây mục nát gãy đổ nửa chìm nửa nổi trong những đầm nước lớn hơn.

Điên cuồng vì cơn đói, nó óc ách trườn vào một đầm lầy, chia các xúc tu chất lỏng ra xung quanh. Trong vài phút nó đã bắt được mấy con ếch béo mập và rất nhiều con cá nhỏ. Nhưng những mẫu thức ăn bé xíu này chỉ càng kích thích sự thèm ăn của nó. Cơn đói trở thành một cơn thịnh nộ mù mịt. Nó bắt đầu một cuộc săn lùng có hệ thống, nó văng mình như một tấm lưới trùm lên từng cái ao nước và lục lạo một cách nhanh chóng nhưng cẩn thận từng xăngtimét một trên đáy bùn ao. Những con vật đầu tiên mà nó tóm được là những con chuột xạ, dù lớn hay nhỏ cũng không thoát. Một tấm màng chất nhầy dính như keo rất lớn hình thành xung quanh nó, chụp lên chúng - và siết lấy chúng. Chất nhầy trong cơ thể nó trong khoảnh khắc đã phân hủy hoàn toàn nạn nhân, ngay đến xương cũng không còn lại chút gì.

Phấn khích và kích động vì những gì nó tìm được, con thủy quái háng hái sục sạo các ao đầm nối liền nhau không dứt. Khi nổi lên, nó cẩn thận thăm dò từng bụi cỏ để xem còn có con vật nào thoát khỏi ao nước bỏ lên đó hay không. Một lần nó vồ được một tổ chim non trong một bụi cỏ bên bờ đầm. Tình cờ nó gặp một thân cây đổ nghiêng vắt ngang đường đi, nó bám lấy cái cây với thân hình nhầy nhớt của nó rồi kéo mình lơ lửng trên không trông như một tấm màn cửa đen sì to tướng bằng bùn đen rủ xuống.

Trong lúc đang tiến đến gần một nơi ít đầm lầy hơn và cây cối mọc dày hơn thì nó dần dần cảm nhận được một sự thay đổi khó nhận thấy trong môi trường mới của nó. Nó ngừng lại, chần chừ, nửa ở trong đầm, nửa thò ra khỏi mặt nước của một cái ao nhỏ nằm gần một bìa rừng cây gần đó.

Mặc dù đã chén được khoảng năm sáu chục kilôgam thức ăn gồm ếch, cá, rắn nước, chuột xạ và một vài con thú nhỏ, cơn đói cồn cào của nó vẫn chưa dịu đi. Sự thèm ăn kinh khủng vẫn thúc giục nó tiếp tục cuộc săn lùng, nhưng có cái gì đó trong bản năng giữ nó nằm lại trong ao.

Cái mà nó cảm thấy nhưng không thể nhìn thấy, là mặt trời ban mai đang bắt đầu trải những tia sáng mờ mờ lên mặt đầm. Con thủy quái chưa bao giờ giáp mặt với bất kỳ một nguồn ánh sáng nào trừ những luồng ánh sáng phớt pho lạnh lẽo của các loài cá sống dưới đáy biển sâu. Nó hoàn toàn không biết đến ánh sáng mặt trời.

Khi ánh nắng bình minh mạnh dần lên, xuyên qua những đám sương mù lạnh băng, con thủy quái nhầy nhớt

đen thui mới đến từ đáy biển sâu đen như mực cảm thấy có cái gì đó mà nó hoàn toàn không biết đang ập đến với nó. Ánh sáng có hại đối với nó. Nó phóng ra một xúc tu nhanh như chớp, hy vọng tóm được và bóp nát một tia nắng. Nhưng nó càng cố gắng điên cuồng hơn thì ánh sáng ban mai ghê sợ vây quanh nó lại càng mạnh hơn.

Cuối cùng, khi mặt trời lên cao trên ngọn cây, con thủy quái đang giận dữ vì bị ngăn trở hơn là vì sợ, miễn cưỡng trườn trở về cái ao và sục mình trong lớp bùn mềm dưới đáy. Và nó ở lại đó trong khi mặt trời chiếu sáng và những con vật nhỏ của vùng đầm lầy đánh liều tiến vào vì những mục tiêu sinh tồn bí ẩn của chúng.

° ° °

Cách đầm lầy Wharton vài dặm, trong một thị trấn nhỏ của vùng Clinton Center, Henry Hossing ngái ngủ lê bước khỏi cái lều nát bằng những cành cây, nó cho gã một chỗ trú mưa nắng tạm tạm vào ban đêm. Gã loạng choạng bước vào con phố. Lấy tay quệt ngang cặp mắt ướt nhoẹt, gã gãi gãi hàm râu lởm chồm trên gò má và hấp háy mắt nhìn mặt trời đang mọc. Đêm qua gã ngủ không được ngon giấc lắm, cơn bão biển đánh thức gã dậy trong đêm. Thêm nữa gã phải mang bụng đói đi ngủ, mà chuyện đó thì chẳng bao giờ làm gã vui vẻ được.

Liếc nhìn dọc con phố, gã lừ đừ bước tới, đầu ngả xuống ngực, và hầu hết thời gian gã nhắm mắt xuống hè phố hay các rãnh nước với hy vọng nhặt được một đồng xu nào đó của ai đánh rơi.

Thị trấn Clinton Center không tốt bụng cho lắm với gã. Những quầy bố thí thì hiếm hoi, và mới hôm qua thôi gã đã bị một viên cảnh sát địa phương đá đít đòi đuổi gã ra khỏi thị trấn.

Làm bầm một mình, gã đi đến cuối phố và bắt đầu băng qua ngã tư. Thành linh gã dừng phắt lại và cúi xuống chộp lấy cái gì đó nằm bên vệ vĩa hè.

Đó là một tờ bạc xanh nhàu nát. Và khi gã vội vã vuốt phẳng nó ra thì một vẻ sung sướng kinh ngạc lan ra trên bộ mặt đầy râu nham nhở của gã. Hai mươi đô! Bao nhiêu tháng nay chưa bao giờ gã có nhiều hơn một đô trong túi!

Nhét cẩn thận tờ bạc vào cái túi lạnh lặn nhất trên chiếc áo khoác xám xơ xác của mình, gã băng qua phố với những bước chân sải dài vội vàng. Thay vì soi mói các vĩa hè, cặp mắt gã giờ đây nhắm vào các cửa hiệu và tiệm ăn.

Gã dừng bước trước một tiệm ăn, chần chừ, và cuối cùng lại đi tiếp cho đến khi gặp một tiệm khác ít lờ lợt hơn ở cách đó vài quãng phố.

Khi gã ngồi xuống ghế, ông chủ tiệm liền lắc đầu, "Đi đi, anh bạn. Hôm nay không có cà phê miễn phí đâu".

Nhăn nhở cười toe, gã lang thang móc tờ bạc mười đô ra và chìa cho ông chủ tiệm xem. "Cái này đã đủ cho một bữa sáng ngon lành ở đây chưa, anh kếp!"

Ông chủ tiệm có vẻ bức. "Thôi được. Thôi được. Anh ăn gì?" Ông ta xem xét tờ giấy bạc một cách nghi ngờ.

Henry Hossing gọi nước cam, bánh mì nướng, giăm bông và trứng, cháo bột, dưa tráng miệng và cà phê.

Khi mọi thứ đã dọn ra, gã ăn sạch sẽ mọi thứ, gọi thêm ba ly cà phê, rồi chìa tờ bạc ra để trả tiền cứ y như bữa sáng sáu đô là chuyện ngày thường đối với gã. Rồi gã nhàn nhã trở ra đường.

Quá trưa một tý, sau bữa trưa chín đô, gã nhìn thấy một tiệm rượu. Gã đứng trên vĩa hè phía bên kia nhìn nó vài phút, tay mân mê tờ bạc năm đô còn lại trong túi. Cuối cùng gã băng qua đường với một nụ cười lơ đãng, bước vào tiệm và mua một lít whisky lúa mạch loại nặng chấy cổ.

Gã đứng chần chừ trên vĩa hè, dửng dưng không biết có nên trở về túp lều của gã bên kia thung lũng hay không. Sau một vài phút đấu tranh tư tưởng, gã quyết định không về và thay vì thế đi về phía đầm lầy Wharton. Cảnh sát địa phương còn khuya mới đến quấy rầy gã ở đó, và vì trời quang mây tạnh, thời tiết dễ chịu nên chẳng cần gì đến cái che gió che mưa.

Quẹo khỏi con đường cao tốc chạy vòng quanh đầm lầy cách thành phố vài dặm, gã băng qua một bãi cỏ lầy lội, đi xuyên qua một bụi cây rậm và ngồi xuống dưới một cái cây cho nhựa ngọt nằm ngay bìa rừng rậm.

Vào lúc chiều muộn thì mặt mũi gã đã nóng bừng bừng và gã thoáng có ý nghĩ quay trở về Clinton Center. Dứt mình khỏi cơn mơ màng, gã loạng choạng đi nhặt vài cành cây khô để đốt một đồng lửa nhỏ rồi quay trở lại nơi bìa rừng của gã, ngồi xuống dưới gốc cây nhựa ngọt.

Ngay lập tức, gã ngủ thiếp đi như một con ngỗng mệt mỏi, nhưng rồi gã cũng cô tỉnh dậy để đốt đồng lửa khi bóng chiều chạng vạng đã ngày càng sẫm hơn trên vùng đầm lầy. Sau đó gã quay lại với cái chai đã cạn. Rồi khi gã đang mơ mơ màng màng bay bổng trong giấc mộng làm giàu huy hoàng thì có cái gì đó thành linh ngắt ngang và kéo gã trở về với mặt đất.

Ngọn lửa bập bùng từ đồng lửa của gã bây giờ đã lụi đi, chỉ còn những tàn lửa liu riu kỳ quái đủ chiếu sáng một vùng nhỏ dưới gốc cây nhựa ngọt. Gã không nhìn thấy gì và thoát đầu cũng không nghe thấy gì, nhưng trong gã vẫn ngập tràn cảm giác về một mối đe dọa thành linh và rõ rệt đang ẩn nấp đâu đây.

Gã đứng dậy, lão đảo, tựa người vào gốc cây và nhìn chăm chú vào bóng đêm. Trong bóng tối sâu thẳm nằm bên ngoài vầng sáng canh chừng của đồng lửa, gã không nhìn thấy được đó là cái gì, cho dù nó có hình dáng hay màu sắc như thế nào.

Rồi gã ngửi thấy một mùi hôi thối kinh khủng mà rừng cả mình. Mặc dù không khí xung quanh vẫn còn nồng nặc mùi rượu whisky rẻ tiền, nhưng cái mùi ghê tởm nọ vẫn át tất cả. Nó hôi thối, khắm lậm, ghê sợ và cực kỳ kinh tởm. Nó hơi giống mùi cá chết thối, nhưng khó mà nói được là nó giống mùi gì mà người ta từng biết.

Đứng run rẩy dưới gốc cây nhựa ngọt, Henry Hossing nghĩ đến một xác chết bị vùi lâu ngày dưới đáy đầm lầy bây giờ mới nổi lên.

Nỗi sợ ngày càng dâng lên, gã nhìn quanh tìm xem còn cành cây khô nào không để cho thêm vào đồng lửa đang lụi tàn. Nhưng tất cả những gì gã có thể tìm được là một vài nhánh lá khô. Gã ném chúng vào đồng lửa tàn, và ngọn lửa bốc sáng thêm được một chút.

Gã lắng tai và nghe thấy - hay gã tưởng là đã nghe thấy - một thứ tiếng động kỳ quặc như có vật gì đang trượt đi giữa những bụi cây gần đó. Hình như nó lùi lại khi đồng lửa bùng lên một chút.

Một nỗi khủng khiếp thực sự xâm chiếm lấy gã. Gã vẫn biết rằng trong tình trạng say khướt như thế này gã không thể nào bỏ chạy được - nhưng lúc này gã đã đi đến một nhận thức khủng khiếp, rằng cái mối đe dọa không thể nói ra được kia đang rình rập trong bóng tối bao bọc xung quanh, chỉ cốt chờ cho ánh sáng từ đồng lửa nhỏ của gã lụi đi là lập tức xông vào.

Gã điên cuồng nhìn bốn phía để tìm thêm củi. Nhưng xung quanh chẳng có cành nào. Không có củi, nghĩa là ánh sáng sẽ tắt đi chẳng bao lâu nữa. Nhưng gã không dám liều đi ra xa hơn.

Gã bắt đầu run bần người lên không kiềm nổi. Gã cố để hét lên nhưng không có âm thanh nào thoát ra từ cái cổ họng đang thất lại.

Mùi hôi thối kinh khủng kia càng lúc càng nặng hơn, và bây giờ gã tin chắc là đã nghe thấy có tiếng ai đang trườn nhẹ nhàng rất lạ trong bóng tối bên ngoài vầng sáng chiếu ra từ đồng lửa.

Gã đứng chết lặng trong cơn hoảng loạn, cảm thấy bất lực tuyệt đối khi ngọn lửa lom dom tắt đi và bóng tối ập xuống.

Vào khoảnh khắc tối hậu, một mẩu than cháy vỡ ra từng mảnh, tóe ra những tia sáng cuối cùng, và trong ánh chớp lóe lên của chúng, gã thoáng thấy con thủy quái.

Nó đã trườn ra khỏi những bụi gai và bây giờ nó đang phóng qua khoảng trống với một tốc độ kinh hoàng. Nó là sự hiện thân cuối cùng của tất cả nỗi sợ hãi, rừng rợn và những cơn ác mộng mà Henry Hossing từng biết đến trong đời gã. Nó là con quỷ từ địa ngục đến để bắt gã.

Tiếng thét khủng khiếp cuối cùng cũng bật ra từ cổ họng gã, nhưng nó bị ngắt đi trước khi kịp kết thúc vì cái áo thun nhảy nhót màu đen đã mau lẹ trùm lên người gã với một sức mạnh không thể chống lại được.

o o o

Gilles Gowse - hay "ông lão" Gowse -nhảy ra khỏi giường sau một đêm trần trọc và mộng mị toàn những cơn ác mộng. Ông lão vừa than thở vừa pha cà phê trong bếp của căn nhà tối tàn dột nát ven đầm Wharton.

Khoảng nửa đêm, hình như có mùi hôi thối của nước tù phả vào ngôi nhà. Giấc ngủ bị cắt ngang của ông lão đầy những chiêm gở, những bóng ma và ác mộng.

Miệng cầu nhàu, ông lão ăn nốt bữa sáng, lấy cái xô đựng sữa từ trong chạn và đi ra chuồng bò đằng xa nơi ông lão nhốt con bò cái duy nhất của ông.

Khi ông lão đi đến chuồng bò thì cái mùi kinh tởm lạ lùng đã ám lấy ông suốt đêm qua lại xộc vào mũi.

"Đầm Wharton! Mày chứ còn ai vào đây nữa!". Ông lão lẩm bẩm. Và dứ nắm đấm về phía cái đầm.

Khi ông lão bước vào chuồng bò thì cái mùi đó lại càng sặc sụa thêm. Nhấn mặt, ông lão sai bước đến cái ngăn chuồng lung lay nơi ông nhốt con bò cái Sarey.

Rồi ông lão đứng sững mắt nhìn lom lom. Con Sarey đã biến mất. Ngăn chuồng trống không.

Ông lão quay ra sân chuồng bò. "Sarey!" ông gọi to.

Chạy trở vào trong chuồng, ông lão kiểm tra lại cái ngăn. Ở đây cái mùi hôi thối như mùi xác chết xông lên nồng nặc, và ông lão nhận thấy có một vết sáng như lân tinh trên sàn chuồng. Cúi người xuống thấp hơn, ông lão thấy đó là một vết nhót phát sáng phủ lên sàn, dường như có con vật nào đó mình phủ đầy bùn đã chui vào rồi chui ra căn chuồng này.

Phát hiện này cùng với việc biến mất khó hiểu của con Sarey là quá đủ đối với hệ thần kinh đang rệu rã của ông lão. Gào to lên, ông lão lao ra khỏi chuồng bò và chạy đến thị trấn Clinton Center cách đó chừng hai dặm.

Cách người ta tiếp đón ông lão tại thị trấn lại làm cho ông giận dữ thêm. Trong khi ông lão cố gắng để kể cho mọi người nghe về sự biến mất của con bò cái Sarey, về cái mùi nước biển và mùi bùn hôi thối nồng nặc trong chuồng bò nhà ông đêm qua, thì họ lại cười vào mặt ông. Tức là những kẻ kém lịch sự hơn. Còn đa số những người khác thì kiên nhẫn nghe ông lão kể lể - rồi sau đó nháy mắt với nhau và xoáy ngón trở lên trán một cách đầy ngụ ý khi ông lão vừa đi khuất.

Có một người, tay được sĩ Jim Jelinson, dường như chăm chú nghe ông. Anh ta nói rằng khi anh ta về nhà bằng lối sân sau tối hôm qua, anh ta nghe thấy có một tiếng thét sợ hãi ở đâu đó từ trong bóng tối đằng xa. Chắc chắn là nó đến từ hướng đầm lầy Wharton, anh ta khẳng định thế. Nhưng vì tiếng thét không lặp lại nữa nên rốt cuộc anh ta cho là mình đã tưởng tượng ra.

Trên đường trở về nhà vào lúc chiều tối thì trong lòng ông lão Gowse đã chất đầy những nỗi bức dọc, phẫn uất và cay đắng. Họ cho ông là điên hay sao, hả? Vậy thì, Sarey biến mất; và họ chẳng thể giải thích điều đó bằng cách nào cho nghe được, phải không nào? Họ giải thích cái mùi đó là do lũ cá chết bị con sóng lớn dồn lại và đẩy vào trong đầm lầy trong cơn bão hôm nọ. Được - cứ cho là thế đi. Còn vết nhót trên sàn chuồng bò thì họ bảo đó là do lũ sên. Sên! Làm gì có thứ sên nào lại để lại lấm nhót như thế kia chứ!

Khi về gần đến nhà, ông lão gặp Ruper Barnaby, người láng giềng gần nhà lão nhất. Ruper xách một khẩu súng và anh ta dắt theo con chó săn Jibbe.

Mặc dù đã có chuyện chành chọe giữa hai người hàng xóm từ ít lâu nay, nhưng lần này Barnaby rất ngạc nhiên khi thấy ông lão gật đầu chào và dừng bước.

- Đi săn đêm hả, ông hàng xóm?

Barnaby gật đầu.

- Con Jibbe chắc sẽ bắt được một con gấu trúc Mỹ. Hôm nay trắng muộn nhỉ...

- Con bò cái nhà tôi mất rồi - Ông lão thỉnh linh nói - Nếu anh có nhìn thấy nó... - Lão ngừng lại. - Nhưng tôi không nghĩ anh sẽ ...

Barnaby bối rối nhìn ông lão.

- Lão bảo sao cơ?

Ông lão nhắc lại câu chuyện mà ông đã kể suốt ngày hôm nay ở Clinton Center. Rồi lắc lắc cái đầu khi kể

xong, ông lão nói thêm :

- Nếu là tôi thì tối nay tôi sẽ không đi săn trong cái đầm đó đâu, dù người ta có trả cho tôi cả ngàn đô một con chuột xạ đi nữa!

Ruper Barnaby ngoảnh mặt đi cười thầm. Anh ta là một người đàn ông cao lớn, vạm vỡ, một anh chàng rất tháo vát và ít tham vọng - chẳng có gì ngay cả khi anh ta mơ mộng đi nữa.

- Lão Gowse này, - Anh ta cười - lão định hù tôi bằng những câu chuyện ma quỷ đó thì chỉ vô ích thôi! Con bò cái của lão chỉ đi lạc và chắc nó đang lang thang đâu đó. Vì sao hả, suốt năm vừa rồi tôi có nhìn thấy con mèo rừng nào ở cái đầm lầy này đâu cơ chứ!

Ông lão Gowse mím chặt môi.

- Có thể, - Ông bảo khi bỏ đi - rồi tối nay anh sẽ nhìn thấy trong cái đầm lầy này có thứ còn tệ hơn cả mèo rừng cho mà coi!

Lắc lắc cái đầu, Barnaby bước theo sau con chó của anh ta đang sốt ruột te tái chạy lên trước. Ông lão Gowse đâm ra dở hơi mất rồi. Thời buổi này mà đi ra ngoài nhà thì phải khóa cửa lại chứ.

Jibbe chạy đằng trước, đánh hơi, lao vọt từ cái rãnh này đến cái rãnh khác. Khi hoàng hôn đã tắt, Barnaby rời khỏi đường cái lớn, rẽ vào con đường mòn ngoằn ngoèo dẫn đến đầm Wharton.

° ° °

Barnaby ham đi săn. Anh ta thích chui lủi cả ngày trong các bụi gai còn hơn là ngồi chết dí một chỗ ở nhà trên chiếc ghế nệm êm ái. Và cho dù có mất cả đêm lùng sục mà vẫn ra về tay không thì anh ta cũng chẳng lấy thế làm bực mình. Thực ra anh ta là một tay đi săn giỏi; ít nhất thì một nửa số thức ăn trong năm của anh ta là thỏ rừng, gấu trúc Mỹ, và đôi khi có cả hươu, những thứ mà anh ta săn được trong đầm lầy Wharton.

Vào lúc trăng mọc, anh ta đã tiến sâu vào vùng đầm lầy. Jibbe đã hai lần phát hiện thấy thỏ rừng, nhưng cả hai lần nó đều vội vàng quay lại với vẻ hoảng sợ sao đó.

Có cái gì đó trong hành động của nó bắt đầu làm cho Barnaby lấy làm khó hiểu. Con chó dường như do dự không muốn đi tiếp, nó cứ đeo dính lấy anh chàng thợ săn không rời một bước. Một lần anh ta đã vấp phải nó và suýt nữa thì ngã cắm đầu xuống đất.

Rốt cuộc anh thợ săn dừng lại, nhăn mặt và nhìn về phía trước. Khu đầm trông chẳng có gì khác thường. Thực ra thì có một cái mùi rất khó ngửi lơ lửng trong không khí, nhưng đó chắc là do cơn sóng thần trong cơn bão mới rồi đã sục bùn dưới đáy đầm lên. Có lẽ là rong tảo và xác cá chết tích tụ lại đang thối rữa trong các cái ao.

Barnaby mắng con chó.

- Mày sợ cái gì, hả? Đi tiếp đi! Mày làm tao vấp nữa là tao cho cái đá đấy, nghe chưa!

Con chó lại chạy lên trước một đoạn, nhưng có vẻ rất miễn cưỡng. Nó đánh hơi mấy bụi cỏ một cách đại khái cho xong và hình như không còn thiết tha gì đến chuyện đi săn nữa.

Barnaby giận điên lên. Thậm chí ngay cả khi phát hiện thấy dấu vết của một con gấu trúc Mỹ, còn mới nguyên trên lớp bùn non cạnh một cái ao, mà con Jibbe cũng tỏ ra chẳng mấy quan tâm.

Dẫu sao nó cũng chạy ra xa hơn một tý và Barnaby bắt đầu hy vọng nó sẽ trở lại hăng hái như cũ.

Nhưng anh ta đã lầm về chuyện đó. Khi họ tiến vào một vùng có nhiều lùm cây rậm rạp xen lẫn với những bụi gai và những đám cỏ đuôi mèo thì con chó thỉnh thoảng lại co rúm người lại, nó nép vào bóng tối và nhất định không chịu nhúc nhích.

Barnaby tin rằng con gấu trúc đã lủi vào một bụi rậm đâu đó gần đây. Nhưng con chó không chịu nghe lời đã làm anh ta nổi điên.

Bị ăn mấy cú đá, con Jibbe miễn cưỡng đứng dậy và bước vài bước về phía trước, lông trên cổ nó dựng đứng cả lên giống như bờm sư tử.

Barnaby vừa chửi thề vừa dần bước theo con chó tiến vào đám cây rậm tối om.

Mặc dù có trăng nhưng dưới những lùm cây này rất tối. Anh ta bước đi rất thận trọng để tránh thụt chân xuống ao nước.

Thình lình, con Jibbe tru lên một tiếng dường như phát điên vì hoảng loạn và bắn ra khỏi bụi rậm. Nó bỏ chạy, miệng vẫn không ngừng tru lên một cách kỳ quặc.

Lần đầu tiên trong buổi tối hôm đó Barnaby thấy mình run lên vì sợ. Đã bao nhiêu lần đi săn, chưa bao giờ anh ta thấy con Jibbe lại sợ đến mức quắp đuôi lại như thế. Đã có lần nó thậm chí còn đuổi theo cả một con gấu xám khổng lồ.

Chống mắt nhìn vào bóng tối đen ngòm, Barnaby chẳng thấy cái gì cả. Trong các lùm cây cũng không có cặp mắt quái gở nào nhìn anh ta.

Trong khi căng mắt cố nhìn vào bóng tối đang vây quanh mình, anh ta chợt nhớ đến lời cảnh cáo của ông lão Gowse mà cay đắng nhận mặt. Nếu cái lão ngu ngốc ấy tình cờ biết được con Jibbe bỏ chạy khỏi đầm lầy, thì chắc chắn lão sẽ đem chuyện này ra để chế nhạo anh ta mỗi ngày cho đến lúc chết.

Nghĩ đến chuyện đó anh ta lập tức nổi giận. Thế là anh ta hăm hăm lao tới cùng với cơn thịnh nộ tăm tăm nhắm vào cái con vật nào đó đã dọa nạt con chó của anh ta. Một phát súng trúng đích có lẽ sẽ giải quyết được mọi chuyện.

Nhưng ngay lập tức anh ta dừng phát lại và lắng nghe. Từ trong bóng tối ngay trước mặt anh ta nhận thấy một tiếng động kỳ lạ, dường như có một vật rất lớn đang bò trong đám cỏ đuôi mèo, đồng thời mùi hôi thối đột nhiên trở nên nồng nặc.

Anh ta chần chừ vì không nhìn thấy được đó là cái gì, vừa cố gắng chống lại cái ý muốn bỏ chạy đang dâng lên rất mạnh trong lòng anh ta. Bóng đêm đen ngòm và cái mùi hôi thối của ao tù nơi đây dường như làm anh ta ngạt thở.

Tim anh ta bắt đầu đập thình thịch khi cái tiếng bò trườn sột soạt kia đến gần hơn. Mọi bản năng đều mách bảo anh ta quay người bỏ chạy, nhưng một thứ ương ngạnh bướng bỉnh bẩm sinh gần như liều lĩnh giữ anh ta đứng yên một chỗ.

Tiếng động nghe đã rõ hơn, và thình lình anh ta chắc chắn rằng có cái gì đó chết chóc và kinh khủng đang lao về phía anh ta qua những bụi cây rậm kia với một tốc độ ngày càng nhanh.

Giờ khẩu súng lên, anh ta chĩa về hướng có tiếng động và bóp cò.

Trong ánh lửa lóe lên từ đầu nòng súng, anh ta nhìn thấy một cái gì đó to tướng và sáng lấp lánh, giống như một tấm áo thụng lớn màu đen ngòm trải rộng đang ló ra khỏi những bụi cây ngoài cùng. Nó dường như đang lướt về phía anh ta, và nó chuyển động nhanh nhẹn khủng khiếp.

Anh ta muốn thét lên và bỏ chạy nhưng ngay khi con quái vật lao tới thì anh ta hiểu rằng bỏ chạy lúc này thì cũng vô ích. Vì thế nên dù cho máu như đông cứng lại trong người, anh ta vẫn ghì chặt khẩu súng mà bắn liên hồi.

Những phát súng đó hình như chẳng có tác dụng gì nhiều hơn những viên đá cuội bắn vào đồng bùn bằng ná cao su. Vào khoảnh khắc cuối cùng sự can đảm của anh ta như vỡ vụn và anh ta tuyệt vọng tìm cách bỏ chạy. Nhưng tấm áo thụng quái dị kia đã lao đến, nó trùm lên anh ta cùng với một mùi hôi thối lợm mửa và siết chặt lại. Tiếng thét của anh ta lúc này chỉ còn nghe những tiếng ục ục khe khẽ bên trong tấm áo thụng nhầy nhớt đen ngòm đang trùm kín lấy anh ta.

° ° °

Ông lão Gowse thức dậy sớm sau một đêm khó ngủ nữa, ông đi ra chuồng bò để xem xét. Ông lão không thấy có gì không ổn nữa, nhưng vẫn chẳng thấy bóng dáng con Sarey đâu. Và cái mùi hôi thối bốc lên từ hướng đầm lầy Wharton khi có gió thổi vẫn còn nguyên như hôm qua.

Sau khi ăn sáng xong, ông lão ra khỏi nhà đi đến chỗ Rupert Barnaby, cách nhà ông chừng một dặm về phía đường cái. Ông lão cũng không chắc là mình định tìm cái gì nữa.

Khi ông lão đến căn nhà nhỏ nhưng gọn gàng ngăn nắp của Barnaby thì ở đó mọi thứ vẫn yên lặng như tờ. Quá yên lặng. Barnaby thường dậy rất sớm, ngay trước khi mặt trời sắp mọc.

Vì một sự thôi thúc bất ngờ, lão Gowse bước qua cổng và gõ cửa. Ông lão chờ một lúc nhưng không có ai đáp lại. Ông lại gõ, và ngần ngừ một tí, rồi bước khỏi hàng hiên.

Jibbe, con chó săn của Barnaby, đang len lén đi vòng ra sau nhà. Bình thường thì nó sẽ xông ra và sủa. Nhưng hôm nay nó đứng im thín thít - hay cũng gần như thế. Người nó run lên bần bật và nó cứ nhìn chăm chặp vào lão Gowse. Con chó đang sợ hãi, hoảng loạn, và mang vẻ mặt có tội rất xa lạ với nó.

- Chủ mày đâu, Jibbe? - Lão Gowse gọi nó - Kiểm chủ mày về đây!

Thay vì chạy đi, con chó lại gục đầu xuống và phát ra một tiếng tru dài nghe oán, buồn bã rất kỳ lạ.

Lão Gowse rùng mình. Quay đầu lại liếc căn nhà im ắng, ông lão bước ra đi về phía con đường.

Bây giờ thì phải nghe ông, ông đắc thắng nghĩ. Hôm qua họ đã cười nhạo ông về chuyện con bò cái Sarey biến mất. Có lẽ họ sẽ không thể thoải mái mà cười khi ông bảo cho họ biết rằng Barnaby đã đi vào đầm lầy Wharton cùng với con chó Jibbe của anh ta, và con chó trở về có một mình!

° ° °

Khi Cảnh sát trưởng Miles Underbeck nhìn thấy ông lão Gowse bước vào Trụ sở Cảnh sát Clinton Center thì ông ta ngồi phịch xuống ghế mà cau có mặt mày. Sáng nay ông ta rất bận, mà chắc chắn lão Gowse đến đây là để căn vặn về chuyện con bò cái đi lạc trời đánh của ông lão.

Thế nhưng cái ông lão lảm cảm ấy lại có câu chuyện mới và giật gân hơn. Ông lão tuyên bố rằng Ruper Barnaby đã biến mất. Tối hôm qua anh ta đã đi vào vùng đầm lầy và không thấy trở về, ông lão khẳng khái như vậy.

Nhưng khi Cảnh sát trưởng Underbeck tra hỏi cặn kẽ hơn, thì ông lão Gowse phải thừa nhận ông không thể nói chắc Barnaby có trở về hay không. Rất có thể là anh ta đã về nhà từ lúc sáng sớm và rồi lại đi trước khi ông lão đến.

Nhưng ông lão nhìn chăm chặp vào ông Cảnh sát trưởng bằng cặp mắt sáng rực và lắc lắc cái đầu.

- Anh ta sẽ không trở về được nữa đâu, tôi cá với anh đấy! Con chó đó nó biết rõ! Nó tru lên, giống như loài chó vẫn tru khi có người chết. Con vật đã bắt Sarey tối hôm trước, nó cũng đã tóm được Barnaby trong đầm lầy tối hôm qua rồi!

Sếp Underbeck không phải tí người dễ bị kích động. Những lời lẽ thống thiết tuôn trào của lão Gowse làm cho ông ta phát cáu nhưng cũng chẳng gây được ấn tượng gì.

Ông ta cộc cằn hứa sẽ xem xét vấn đề nếu tối nay Barnaby không trở về. Ông tuyên bố, Barnaby biết rành cái đầm này hơn bất kỳ ai trong quận. Và anh ta hoàn toàn có khả năng để tự bảo vệ bản thân mình. Có lẽ, ông Cảnh sát trưởng giả thiết, anh ta đã ra lệnh cho con chó trông nhà còn mình thì đi đâu đó sau khi đã đi sẵn về vào tối hôm trước. Cứ chờ thêm một chút là nhiều khả năng anh ta sẽ xuất hiện.

Ông lão Gowse lắc đầu với cái vẻ của kẻ hoài nghi thâm căn cố đế. Khẳng khái rằng thực tế sẽ chứng minh cho nỗi lo sợ của ông, ông lão càu nhàu lê bước ra khỏi đồn cảnh sát.

Ngày hôm đó qua đi mà chẳng có dấu hiệu gì của Barnaby. Vào lúc sáu giờ chiều, ông lão Gowse quả quyết tiến thẳng vào khách sạn Crown, cái khách sạn hai sao độc nhất của Clinton Center, để đăng ký một phòng, ông lão không dám về nhà. Vào lúc bảy giờ, ông Cảnh sát trưởng cử một chiếc xe tuần tra đến nhà của Barnaby. Ông ta sốt ruột chờ nó trở về, ngón tay gõ liên tục vào mặt bàn, hay xếp tới xếp lui một cách lơ đãng đóng hồ sơ chất đống, ở đó suốt cả ngày.

Chiếc xe tuần tra quay về trước tám giờ tối một tý. Trung sĩ Grimes báo cáo.

- Chẳng có ai cả, thưa sếp. Nhà khóa chặt. Chúng tôi đã tìm kiếm. Nhưng chỉ thấy có con chó của Barnaby. Nó tru lên và bỏ chạy cứ như bị ma đuổi vậy!

Sếp Underbeck bối rối. Nếu Barnaby mất tích thật, thì nên bắt đầu cuộc tìm kiếm ngay lập tức. Nhưng lúc này trời đã tối rồi mà nhiều vùng trong đầm lầy Wharton thì ngay giữa ban ngày cũng không ai có thể đi qua được. Ngoài ra cũng không có gì đảm bảo là Barnaby không đi thăm ai đó, ở gần Stantonville chẳng hạn, để tán gẫu với bạn và ở lại qua đêm.

Vào lúc chín giờ ông ta quyết định hoãn mọi hành động lại cho đến sáng mai. Một cuộc tìm kiếm ngay bây giờ dù thế nào cũng sẽ là vô ích. Trong đầm lầy có quá nhiều chướng ngại. Nếu sáng mai mà Barnaby không quay về, và không có báo cáo nhìn thấy anh ta ở đâu cả, thì một cuộc truy tìm trong đầm lầy sẽ có thể bắt đầu.

Không lâu sau khi ông ta đi đến quyết định này, khi ông ta đang sửa soạn quần áo để về nhà, thì xảy ra một sự kiện mới, đáng báo động thật sự.

Ngay trước chín giờ tối, một chiếc xe thẳng gấp bên ngoài đồn cảnh sát. Một ông lớn tuổi vội vàng chạy vào, tay diu một cô gái trẻ đang hoảng loạn sứt sùi. Váy áo và tất của cô ta rách bươm, trên mặt có nhiều vết cào.

Sau khi đỡ cô ta ngồi xuống ghế người đàn ông quay về phía Cảnh sát trưởng Underbeck và các nhân viên cảnh sát đang xúm lại xung quanh.

- Tôi nhặt cô ta ở trên xa lộ gần đầm Wharton. Cô ta gào vỡ cả phổi! - Ông ta xoa trán - Cô ta chạy như ma đuổi ngay trước mũi xe tôi. Suýt nữa thì tôi cán phải. Cô ta sợ phát điên lên nên tôi chẳng thể hiểu cô ta nói cái gì. Hình như có ai bắt cóc bạn trai cô ta lôi vào mấy bụi cây ở đó. Mãi tôi mới lôi được cô ta vào xe và tôi phóng bạt mạng đến đây.

Cảnh sát trưởng Underbeck xoi mói quan sát người đàn ông. Ông ta rõ ràng là đang bàng hoàng sửng sốt, và không che giấu điều gì nên ông Cảnh sát trưởng lại quay về phía cô gái.

Ông ta cố nói thật dịu dàng để trấn an cô ta, và cuối cùng cô ta cũng lấy lại được can đảm để kể cho ông ta nghe câu chuyện của mình.

Cô ta tên là Dolores Rell và cô sống ở ngoại ô Stantonville. Lúc sáu tối cô lái xe đi cùng anh chồng chưa cưới là Jason Bukmeist sống ở Clinton Center. Khi Jason lái xe trên đoạn xa lộ sát vùng đầm lầy Wharton, cô ta nói cảnh đầm lầy trông rất thơ mộng trong đêm sáng trắng. Jason liền dừng xe lại, và sau khi họ quan sát cảnh tượng đó trong vài phút thì anh ta bảo vì tối nay trời ẩm nên "đi dạo dưới ánh trăng" sẽ rất thú vị.

Dolores lưỡng lự không muốn rời khỏi xe nhưng cuối cùng cô cũng miễn cưỡng đi dạo một đoạn ngắn dọc bờ đầm lầy, nơi đất dưới chân còn khá cứng.

Khi cặp tình nhân đang đi dưới tán những hàng cây, cách chiếc xe chừng 15 mét, thì Dolores ngửi thấy một mùi hôi thối rất khó chịu và cô ta muốn quay về xe. Nhưng Jason bảo cô chỉ là mùi đầm lầy thôi chứ có gì đâu và cứ khẳng khái đòi đi tiếp. Vì cây mọc rất sát nhau, nên họ đi thành hàng dọc, Jason đi trước.

Thình lình, cô kể, cả hai nghe thấy có cái gì đó đang bò sột soạt qua các bụi cây phía trước họ. Jason bảo cô đừng sợ, rằng có lẽ đó là con bò của ai đó đi lạc. Nhưng khi đến gần hơn thì hình như nó đang lao đến với tốc độ nhanh khủng khiếp. Và tiếng động của nó cũng không giống như tiếng bước chân của con bò.

Vào giây cuối cùng Jason quay vụt lại và hét lên sợ hãi, kêu cô chạy đi. Trước khi kịp chạy cô còn nhìn thấy một vật gì đó đen ngòm, khổng lồ đang lao đi dưới lùm cây trong ánh trăng mờ mờ. Trong một thoáng, cô ta đứng như trời trồng vì kinh hoàng; rồi cô ta quay lưng bỏ chạy. Cô ta nghĩ là đã nghe thấy tiếng Jason chạy đằng sau cô. Cô ta không chắc lắm. Nhưng ngay sau đó cô nghe thấy tiếng anh hét lên.

Dù kinh hoàng nhưng cô vẫn cố quay lại nhìn về phía sau.

Kể đến đây, cô ta lại bắt đầu lên cơn nức nở, phải vài phút sau cô mới có thể tiếp tục.

Cô ta không thể miêu tả chính xác cái mà cô đã trông thấy khi ngoảnh đầu nhìn lại. Cái vật mà cô thoáng thấy đang lao ra dưới hàng cây trước đó đã đuổi kịp Jason. Nó gần như trùm lên anh ta. Tất cả những gì mà cô ta có thể nhìn thấy là bộ mặt đau đớn và một phần cánh tay của anh ta, gần sát mặt đất, dường như cái vật đó đang ngồi đè lên anh ta vậy. Cô không thể bảo vật đó là cái gì. Nó có màu đen, không ra hình thù gì, như một con thú mà cũng không giống hẳn là con thú. Nó có vẻ như một thứ quái vật bò sát khủng khiếp không thể tả được, thứ quái vật từng làm cô rùng mình kinh sợ hồi cô còn bé phải ở một mình trong bóng tối của phòng nuôi trẻ.

Lúc này cô ta rùng mình và lấy tay che mặt khi cô cố mô tả lại cái vật mà cô nhìn thấy.

- Ôi, Chúa ơi! Một bóng đen còn sống! Một bóng đen còn sống!

Bằng cách nào không rõ, cô ta kể tiếp, cô ta lấp vấp chạy qua các bụi cây và lên đến mặt đường. Cô ta kinh hoàng đến nỗi hầu như không nhận thấy chiếc ô tô đang lao đến.

Không nghi ngờ gì là Dolores đang bị một nỗi kinh hoàng thực sự chế ngự. Cảnh sát trưởng Underbeck tỏ ra rất sốt sắng. Sau khi cô gái với khuôn mặt tái nhợt được đưa đến bệnh viện gần đó để băng bó các vết trầy xước và làm dịu thần kinh, Underbeck tập hợp tất cả các cảnh sát có mặt, trang bị cho họ súng ngắn, súng trường và đèn pha, ông ta lừa họ lên bốn chiếc xe tuần tra và nhắm hướng đầm lầy Wharton lên đường.

Chiếc xe của Jason được tìm thấy tại nơi anh ta dừng xe. Nó không hề hấn gì cả. Một cuộc lục soát khu vực đầm lầy quanh đó dưới ánh đèn pha không mang lại kết quả gì hết. Cái vật tấn công Jason có lẽ đã lôi anh ta vào một góc hẻo lánh xa tít giữa những ao hồ la liệt trong kia.

Sau hai giờ chà sát các bụi rậm và bụi bùn loãng dưới ao hồ mà không có kết quả, Cảnh sát trưởng Underbeck mệt mỏi thu quân và lui cuộc săn lùng lại đến sáng.

Khi những tia nắng bình minh nhợt nhạt đầu tiên xuất hiện trên bầu trời của đầm lầy Wharton, cuộc lùng sục lại bắt đầu. Lực lượng tăng cường gồm những thường dân tình nguyện từ Clinton Center đã đến. Và một cuộc rà soát kỹ lưỡng toàn bộ vùng đầm lầy Wharton bắt đầu mở màn.

Đến giữa trưa, việc tìm kiếm vẫn không đem lại kết quả gì - hay cũng gần như vậy. Một trong những người lùng sục mang đến cái mũ chơi bóng chày và một chai rượu whisky lúa mạch mà anh ta tìm thấy dưới gốc cây nhựa ngọt. Cái mũ bằng nỉ không ra hình thù gì đã cũ và sờn rách, nhưng nó vẫn khô nguyên. Điều đó chứng tỏ rằng nó bị vứt trong đầm lầy sau cơn bão mấy ngày trước. Chai whisky trông còn rất mới thậm chí trong chai vẫn còn sót lại vài giọt rượu. Người tìm thấy nó báo cáo lại rằng dưới gốc cây nhựa ngọt còn có một đồng lửa nhỏ đã tắt.

Hy vọng rằng những chứng cứ này có lẽ sẽ mang lại lời giải thích cho sự biến mất của Jason, Cảnh sát trưởng Underbeck ra lệnh tập hợp tất cả các chủ tiệm rượu ở Clinton Center lại, nhằm truy cho ra tên của những người mới đây đã mua một chai rượu Whisky lúa mạch như cái chai đã tìm thấy dưới gốc cây.

Cuộc tìm kiếm lại tiếp tục, và đến giữa buổi chiều thì người ta lại có một phát hiện khác đáng ngại hơn. Một người lùng sục sốt sắng, trong khi sục sạo một vùng đất bị giẫm nát giữa một đám cỏ đuôi mèo mọc cao, đã lồi lên được từ dưới bùn một cây súng.

Sau khi chùi sạch các vết nhớt và bùn bầm bám quanh, hai người tìm kiếm đã xác nhận rằng đó là khẩu súng của Barnaby. Một người đã từng đi săn với Barnaby còn nhớ rõ cái vết khắc trên báng khẩu súng của anh ta.

Trong khi Cảnh sát trưởng Underbeck còn đang cân nhắc cẩn thận cái thông tin không mấy dễ chịu này, thì đã có thêm tin tức đến từ cuộc thẩm vấn các chủ tiệm rượu ở Clinton Center. Tất cả những ai mới đây từng mua rượu whisky lúa mạch đóng trong chai một lít như cái chai được tìm thấy đều bị thẩm vấn. Chỉ duy nhất một người còn chưa xác định được - đó là một gã lang thang từng lượn lờ quanh thị trấn này mấy ngày trước đây và đã được lệnh phải cắt xéo.

Đến tối thì có một cuộc họp nhằm xem xét kỹ lưỡng mọi yếu tố đã thu thập được, nó cho phép người ta kết luận rằng gã lang thang đó, trong cơn cuồng loạn sẵn sàng giết người do say rượu quá độ, có thể đã giết cả Barnaby và Jason rồi vùi xác họ dưới một trong những chiếc ao sâu có vô số trong đầm lầy. Rất có thể tên giết người vì say quá cần câu vẫn còn đang ngủ vùi đâu đó trong những đám bụi gai rồi bời trong vùng đầm lầy.

Hầu hết các nhân viên điều tra đều coi câu chuyện ly kỳ của Dolores là sản phẩm của một đầu óc hoang loạn. Dưới ánh trăng mờ mờ, họ phân tích, một gã lang thang điên khùng cặp mắt dại đi có ý muốn giết người rất có thể bị nhận lầm như một con quái vật. Thêm nữa, trong cơn hoang loạn cô gái rất có thể đã phóng đại quá đáng những gì cô ta nhìn thấy.

Và khi màn đêm đã trùm xuống trên bãi lầy tăm tối ảm đạm thì Cảnh sát trưởng Underbeck miễn cưỡng đình chỉ cuộc săn lùng. Tuy vậy, vì xét đến khả năng kẻ sát nhân có thể vẫn còn ẩn nấp trong rừng cây, nên ông ta quyết định thiết lập một hệ thống tuần tra suốt đêm dọc theo đoạn xa lộ chạy ngang qua đầm lầy. Nếu kẻ bị

truy nã thực sự ẩn nấp trong đám bụi cây phản phúc kia, thì hẳn không thể nào đào thoát theo xa lộ mà không bị một trong những tổ tuần tra này phát hiện. Một lối thoát duy nhất khác là băng qua vài dặm bãi lầy đầy lau lách nối đầm lầy với biển. Mà xem ra kẻ chạy trốn khó có thể tính đến chuyện đào thoát theo ngã này.

Các tổ tuần tra được quy định mỗi phiên ba giờ, cứ hai người một tổ, được trang bị đầy đủ vũ khí và đèn pha cực mạnh. Họ được lệnh tìm hiểu từng tiếng động, từng chuyển động mà họ nghe thấy hay nhìn thấy trong đám bụi rậm ven xa lộ. Sau khi hô to một lần "dừng lại" là họ có quyền bắn hạ kẻ tình nghi. Những người đi ô tô hiểu kỹ dừng lại trên xa lộ để hỏi xem người ta đang lúng lúng ai đều bị vấy tay mời đi chỗ khác chơi, sau khi được cảnh cáo không nên cho ai đi nhờ và phải báo cáo cho cảnh sát mọi vụ cho đi nhờ.

° ° °

Fred Storr và Luke Matson trong phiên trực từ nửa đêm đến ba giờ sáng đã trải qua hơn hai tiếng đồng hồ mà không có chuyện gì xảy ra trên tuyến đi tuần của họ. Cuối cùng Luke Matson ngồi xuống một thân cây đổ ngang nằm cách vệ đường vài mét.

- Nghỉ chân tí đã, mệt quá - Anh ta nhăn nhó, tựa cây súng vào gốc cây - Chỉ vài phút thôi.

Fred cựa rả bên cạnh.

- Tớ cũng nghĩ thế, Luke ạ. Cậu có thấy - Thành linh anh ta cau mặt nhìn về phía mép đầm lầy - Cậu có nghe thấy gì không, Luke?

Luke lắng nghe, xoay người một vòng trên thân cây.

- Ừ, có lẽ. Nghe như tiếng lạo xạo đâu đó.

Anh ta đứng dậy, nhắc khẩu súng lên

- Cố nhìn xem. - Fred thì thảo bảo Luke.

Anh ta bước qua thân cây và Luke đi theo dò dẫm tiến về phía các bụi cây rậm tạo thành đường biên của đầm lầy.

Cách những bụi cây rậm chừng hai ba chục mét họ lại dừng lại. Tiếng động đã rõ hơn. Nghe như tiếng vật gì đang trườn sột soạt, như có một con vật lớn nào đó đang kéo lê mình trên mặt đất mấp mô.

- Hình như một... con rắn - Luke đánh bạo nói - Một con rắn to tổ bố!

- Ta đến gần tí nữa đi. - Fred thì thảo.

- Cậu giữ súng sẵn sàng nhé, còn tớ sẽ bật đèn!

Họ tiến tới thêm vài mét. Rồi một luồng ánh sáng vàng rực chiếu thẳng vào bụi cây rậm đằng trước khi Fred bật cây đèn của anh ta lên. Luồng sáng xuyên qua màn đêm, chiếu từ hướng này rồi sang hướng khác.

Luke cau mày hạ thấp đầu súng xuống.

- Chẳng thấy gì cả. Chẳng có gì ngoài cái lớp váng to đen thui kia.

Trước khi Fred kịp đáp lại thì cái lớp váng đen thui đó bỗng dựng một bên lên và trở thành một sinh vật sống kinh tởm. Trong một khoảnh khắc, nó co mình lại thành một cái ụ to, rồi nhô cao lên trông như một cái áo thụng đen lấp loáng thật khó tả. Thành linh nó thụp xuống thành một khối tròn rồi lao về phía trước với tốc độ nhanh khó tả.

Luke hét lên và bắn liên hồi khi cái vật quái gở đó lao như tên bắn về phía họ. Chỉ trong một tích tắc nó đã chồm lên người anh ta. Anh ta lại bắn, nhưng cái vật đó đã trùm kín lấy thân hình anh ta trong một đám nhầy nhớt đặc quánh và hôi thối đến ghê tởm.

Fred thì đã ba chân bốn cẳng bỏ chạy ngay khi con quái vật lao đến. Anh ta ngã cầm đầu xuống, rồi chồm dậy vừa đúng lúc để chứng kiến một cảnh tượng làm máu trong người anh ta như ngừng chảy.

Con quái vật đã chồm lên Luke. Fred kinh hoàng chứng kiến sự việc đang diễn ra: con quái vật như rơi xuống

đầu Luke nghe "bộp" một tiếng, còn anh chàng bắt hạnh thét lên trong một nỗi khủng khiếp cùng cực. Rồi từ trên đầu anh ta, cái khối đen ngòm hôi thối đó trong chớp mắt đã chảy tràn xuống người Luke. Tiếng thét tắt nghẹn nửa chừng. Nó lựa theo thân hình Luke mà chảy xuống cho đến khi bao kín hoàn toàn anh ta trong một lớp nhầy nhớt đen thui. Có thể nhận thấy thân hình anh ta đang quần quai đau đớn bên trong cái áo thun đen ghê rợn kia. Rồi tiếp theo là một cảnh tượng còn rùng rợn hơn: cái khối đen thui đó đột ngột co rút lại, có tiếng kêu rào rạo bên trong, rồi nó lại phồng lên như một cái bao tải lồi lõm đang quần quai. Một vài giây trôi qua, rồi nó đổ xuống mặt đất và thân hình nó lại trải ra như một lớp váng dày nhầy nhụa hôi thối hơi nhô lên ở giữa, những chuyển động quần quai cũng chấm dứt. Trong khoảnh khắc, nó lại nhô lên như để chuẩn bị lao tới con mồi còn lại.

Ngay khi cái vật đó nhô lên, thì nỗi sợ hãi điên cuồng đã kích thích Fred, giúp anh ta thoát khỏi tình trạng mù mịt bất động vì kinh hoàng. Chộp lấy khẩu súng rơi bên cạnh, anh ta nhắm vào cái khối nhầy nhụa đặc quánh đó mà nã đạn liên hồi. Nhưng anh ta lại càng kinh hoàng hơn khi nhận thấy những phát súng đó cũng giống như bắn vào đồng bùn, chẳng có tác dụng gì hết ngoài việc để lại mấy vết như vết bùn tóe lên trên cái khối nhầy nhớt kinh tởm kia. Cái vật đó lại lao tới anh ta.

Hành động theo một thứ bản năng nào đó mà anh ta không thể gọi tên ra được, Fred quăng khẩu súng vào con vật và chộp lấy cây đèn pha. Và trong khi con vật đang mãi vồ lấy khẩu súng thì anh ta đã bật công tắc đèn, chiếu luồng sáng cực mạnh của cây đèn vào cái vật đang lao tới.

Nó lập tức dừng lại, chỉ cách vài bước chân, và lộ vẻ chán chừ. Rồi thoát cái nó trườn sang một bên để tránh luồng ánh sáng, nhưng ngay lập tức anh ta xoay cây đèn bám theo. Cuối cùng cái vật đó lùi lại và nằm ẹp xuống mặt đất như một tấm áo mưa to tướng đen thui, nó làm thế dường như để tránh luồng ánh sáng. Nhưng Fred vẫn giữ nguyên luồng ánh sáng chiếu vào nó, anh ta cảm thấy trong từng đường gân thớ thịt rằng luồng ánh sáng màu vàng chói này là cái duy nhất cứu được anh ta khỏi cái chết thê thảm mười mười.

Lúc này đã nghe thấy nhiều tiếng gọi và nhiều luồng ánh sáng khác nữa cắt vào bóng tối. Tiếng súng nổ trong đêm tối đã kéo những toán tuần tra khác đến đây.

Thình lình con quái vật vô danh vặn vẹo thân hình để thoát khỏi luồng ánh sáng và băng mình biến vào trong bóng đêm.

° ° °

Trong ánh sáng xám xịt của buổi bình minh, Cảnh sát trưởng Underbeck leo lên chiếc xe cảnh sát đang chờ trên xa lộ gần đầm lầy Wharton và quay trở về Clinton Center. Ông ta đã có một quyết định và ông nhất định phải thi hành nó ngay lập tức.

Khi đến Trụ sở Cảnh sát ông ta gọi hai cú điện thoại khẩn cấp, một cho ông Thống đốc bang và một cho viên chỉ huy của Căn cứ quân sự Camp Evans gần đó.

Không thể đối phó với con quái vật trong đầm lầy Wharton bằng lực lượng có hạn của mình được - ông ta kết luận như vậy.

Ruper Barnaby, Jason Bukmeist và Luke Matson không nghi ngờ gì nữa đã bỏ mạng trong đầm lầy này rồi. Và gã lang thang vô danh, bây giờ đã rõ là không phải kẻ giết người, chắc chắn là một nạn nhân nữa. Còn Fred Storr - hừ, anh ta không mất tích. Nhưng các cảnh sát tuần tra đã tìm thấy anh ta ngồi trên mặt đất gần mép đầm lầy, hoảng loạn đến mức gần như ngớ ngẩn. Đã mấy tiếng đồng hồ sau khi được đưa về nhà và đặt lên giường nhưng anh ta vẫn ôm khư khư cây đèn pin cảnh sát và nhất định không rời tay khỏi cái nút bấm trên cây đèn. Khi người ta tắt nó đi thì anh ta gào lên, nên họ đành phải bật nó trở lại. Câu chuyện của anh ta nghe quá đỗi hoang đường đến nỗi một người có đầu óc bình thường khó mà có thể chấp nhận được. Thêm nữa, chúng rất giống với câu chuyện trong cơn động kinh của Dolores Rell. Nhưng Fred không phải là một cô gái trẻ dễ bị kích động; anh ta vốn có tiếng là lì lợm, rắn như đan và rất thật thà, một đức tính vẫn bị coi thường hơn là thói huênh hoang khoác lác. Khi Cảnh sát trưởng Underbeck đứng lên để quay lại đầm lầy Wharton thì ông ta nhận thấy ông lão Gowse đang đứng bên hè đường.

Thình lình ông ta sồn cả gai ốc lên khi nhớ đến con bò cái mất tích của ông lão dờ người kia. Trước khi ông lão kịp đến nơi, ông ta đã sập mạnh cửa xe và cộc lốc ra lệnh cho anh lái xe đang chờ. Khi chiếc xe vọt đi, ông ta liếc nhìn vào kính chiếu hậu. Ông lão Gowse đứng im bất động trên vỉa hè trước cổng Trụ sở Cảnh sát.

"Lão già lắm chuyện", ông ta lắm bầm. Anh lái xe liếc nhìn ông sắp và nhấn thêm ga.

Chưa đầy hai giờ sau khi Cảnh sát trưởng quay lại đầm lầy Wharton, trên xa lộ cạnh đầm lầy đã đậu đầy xe - xe tuần tiễu của cảnh sát, xe của những người dân địa phương tò mò và xe tải của Căn cứ quân sự.

Đến chín giờ thì hơn ba trăm người gồm binh lính, cảnh sát và những người tình nguyện, tất cả đều được vũ trang, đồng loạt tiến vào trong đầm để bắt đầu một cuộc lục soát kỹ lưỡng.

Quá trưa thì phần lớn trong số đó đã tới được bờ biển ở phía bên kia đầm lầy. Những nỗ lực đủ kiểu của họ chẳng đem lại kết quả gì. Một người lính phát hiện được một cặp mắt dữ tợn đang theo dõi anh ta trong lùm cây rậm, anh ta lập tức bắn hạ và rồi nhặt được một con cú lớn. Một cảnh sát suýt nữa thì bị một con linh miêu cào rách mặt. Một người khác giẫm phải con rắn chuông và phải đi cấp cứu vì bị rắn cắn. Nhưng không hề có bất kỳ một dấu hiệu nào về một con quái vật, một gã sát nhân lang thang, hay bất kỳ ai trong số những người bị mất tích.

Cảnh sát trưởng Underbeck đứng im lìm với vẻ mặt rầu rĩ ủ dột. Khi đã rõ là theo tất cả những thông tin mà họ biết được cho đến giờ thì tên giết người chỉ rình mò các nạn nhân vào ban đêm, ông ta bên ra lệnh cho mọi người nghỉ ngơi và ăn uống trong bốn tiếng đồng hồ rồi sẽ tiếp tục cuộc tìm kiếm.

Một vài chiếc trực thăng đã quần đảo trên vùng đầm lầy suốt buổi chiều giờ đậu xuống bên bờ biển, mang thức ăn và đồ tiếp tế cho đội quân dưới đất. Theo sự nài nỉ của Underbeck, một dãy hàng rào dây thép gai được dựng lên dọc theo bãi biển. Các trạm gác được thiết lập dọc theo xa lộ, người ta lắp đặt các đèn pha cực mạnh ở mỗi trạm gác. Những xe tải từ căn cứ quân sự chở đến súng máy và một số súng phun lửa.

Đến mười một giờ đêm cuộc tấn công lại tái diễn. Các hàng rào đã được dựng lên, lính gác được bố trí, những luồng ánh sáng cực mạnh từ phía xa lộ chiếu thẳng vào đầm lầy.

Đến mười một giờ mười lăm, các nhóm lùng sục, mỗi nhóm mười người vũ trang đến tận răng, bắt đầu tiến vào đầm lầy.

° ° °

Nổi khùng lên vì cơn đói, con thủy quái rời khỏi lớp bùn dưới đáy cái hồ tù hời thối và ngoi lên mặt nước. Phóng lên bờ hồ trong bóng đêm, nó lướt đi rất nhanh trên các bụi cỏ rải rác trong vùng đầm lầy. Như thường lệ, nó đang bị thúc dục bởi cơn đói hoang dã và tàn bạo.

Mặc dù việc săn mồi trong môi trường mới của nó rất thành công, nhưng sự phàm ăn của nó dường như không hề giảm đi. Nó càng ăn nhiều thì lại càng muốn ăn thêm nữa.

Khi nó đang nổi giận, sự sợ hãi tìm những xung động nhỏ nhất báo hiệu có thức ăn, thì nó bắt đầu ý thức về sự có mặt của những kẻ phá đám. Mặc dù đang là khoảng thời gian của đêm tối trong cái thế giới xa lạ này, nhưng bóng tối trong thời điểm đi săn của nó hôm nay bị chọc thủng một cách kỳ quặc bởi những kẻ thù mà con thủy quái này ghét nhất - những luồng ánh sáng. Những xung động của thức ăn lúc này mạnh hơn hẳn so với những gì mà nó từng biết. Chúng hiện diện ở khắp nơi, rất mạnh, rất rõ rệt, chúng đang chuyển động theo đủ mọi hướng, xuyên qua những tầng thấp hơn của bóng tối bí ẩn đang bị cắt xé bởi những luồng ánh sáng kia.

Nhắc mình khỏi mặt bùn, con thủy quái bám vào một thân cây nghiêng ngả cạnh đầm lầy và treo mình bắt động ở đó, nước bùn cứ chảy xuống dọc theo bề mặt phát sáng trên thân hình nó và nhỏ giọt xuống đất. Những cơ quan cảm giác của con vật báo cho nó biết những luồng sáng đáng ghét kia hiện diện ở khắp mọi nơi.

Và thậm chí khi nó đang treo mình lơ lửng trên thân cây giống như một tấm thảm lớn bần thiêu nhót nhát, thì một luồng sáng nóng bỏng đã xé rách bóng tối bao quanh và chiếu thẳng vào nó.

Ngay lập tức nó buông mình khỏi thân cây, rơi xuống đám bùn kêu đánh bộp một tiếng khá to. Cường độ của những xung động gần đó thành linh mạnh lên dữ dội. Những luồng ánh sáng điên cuồng chiếu xuyên màn đêm từ khắp mọi phía đổ về nơi vừa phát ra tiếng động.

Nổi giận vì bị ngăn trở, sinh vật nọ phóng mình xuống đầm và lao về phía bờ bên kia.

Nhưng điều đó chỉ có tác dụng trì hoãn tạm thời. Những xung động tăng lên rất mạnh. Bóng tối hầu như biến

mất, bị cắt vụn và xé toạc bởi những luồng sáng chiếu từ khắp mọi nơi.

Lần đầu tiên trong cuộc sống kéo dài từ thừa hồng hoang của nó, sinh vật này trải qua một thứ cảm giác mù mờ giống như sợ hãi. Nó không thể tóm được ánh sáng, không thể nghiền nát hay làm cho nó chết ngạt. Đó là một kẻ thù xa lạ mà để chống lại nó, con thủy quái này chỉ biết có mỗi một cách là bỏ chạy, trốn đi.

Và bây giờ khi cái thế giới bóng đêm của nó bị xé toạc ra thành từng mảnh bởi vô số những luồng ánh sáng từ khắp nơi đổ đến, con thủy quái theo bản năng tìm kiếm chỗ ẩn náu ở cái nơi đen ngòm khổng lồ, nơi mà từ đó nó đã đến đây.

Lao mình qua khu đầm, nó hướng về phía biển cả.

Những người lính gác tại các trạm gác dọc bờ biển được báo động bởi tiếng súng và những tiếng la hét thúc giục từ phía trong đầm lầy, họ vội đứng dậy hay quỳ gối với vũ khí sẵn sàng khi tiếng động ầm ỹ lan nhanh đến bờ biển.

Bờ biển đầy lau lách ẩm đậm nằm nhô hẳn ra dưới ánh đèn pha gay gắt. Những con sóng lao vào bờ đá, làm tung tóe những bọt nước trắng lên bờ cát. Dưới ánh sáng đèn pha, làn nước đen ngòm phát ra những tia sáng nhiều màu sắc.

Tiếng gào thét vang lên đỉnh tai nhức óc. Những người đứng theo dõi căng thẳng chờ đợi. Thành lính, dọc theo những vật đất phẳng ẩm đậm chạy dài với những lùm cây rậm và những hố trũng rải rác, vọt ra một hình thù kỳ quái làm cho những người đứng canh dường như hóa đá.

Một sinh vật giống như một khối nhầy nhựa đen thui, không ra hình thù gì, không giống một sinh vật nào từng được biết trên trái đất, nó lao qua các bụi gai rậm rì và tiến vào vùng đất bằng phẳng. Nó là một khối đen thui thui, thoát cái lại biến thành một tấm áo thụng lớn, tiếp theo thành một thứ như con sên nước lầy nhầy khổng lồ, nó lướt về phía trước với một tốc độ chóng mặt.

Một số lính gác đứng chôn chân một chỗ, vì quá kinh hãi không kéo nổi cò súng. Những người khác vượt qua được cơn sợ hãi và bắt đầu bắn. Đạn từ hàng chục khẩu súng vãi vào con quái vật màu đen đang phóng qua bãi bùn bằng phẳng.

Khi cái sinh vật đó gần chạm đến cuối bãi bằng và tiến tới đụn cát đầu tiên trên đường ra biển thì những người lính gác đuổi nó khỏi đầm lầy đã cắt ngang đường đi của nó.

Một người trong số họ dừng lại, gào lên với những người gác ở bờ biển. "Nó chạy về phía biển! Vì Chúa, đừng để nó thoát!"

Những lính gác bờ biển lại càng nỗ lực mạnh hơn, rồi thành lính họ hoảng sợ mà nhận ra rằng con quái vật này dường như chẳng hề hấn gì với những tràng đạn của họ cả. Không hề giảm tốc độ, nó xuyên qua bụi cỏ mèu cuối cùng và phóng vào bãi cát.

Như đang trong cơn ác mộng, những người lính gác nhìn thấy nó đập mình đen đét trên đụn cát gần nhất và đang lướt về phía biển. Tuy vậy, vào khoảnh khắc cuối cùng họ nhớ đến cái hàng rào dây thép gai dọc bờ biển mà ông Cảnh sát trưởng Underbeck cứ khẳng khẳng nhất định đòi dựng lên cho bằng được.

Lấy lại tinh thần, họ ngừng bắn và chạy qua đụn cát hướng tới cái nơi mà con quái vật màu đen kia nhất định sẽ đụng phải hàng rào.

Một ai đó chạy đằng trước thành lính kêu lên đặc thắng.

- Nó bị bắt rồi! Nó mắc dây thép gai rồi!

Những chiếc đèn pha tập trung chiếu vào hàng rào.

Cái sinh vật đó đang bấu lấy hàng rào dây thép gai và hình như định vận mình để dứt đứt những dây thép xoắn vào nhau trên hàng rào. Lúc này dường như nó đang tuyệt vọng. Nó vận vọ, nhảy chồm chồm và uốn éo giống như một con sứa khổng lồ đen thui đang mắc trong lưới. Những lính gác lao lên phía trước, trong lòng tin tưởng vào thắng lợi của họ. Tuy vậy, có một lần, người lính đi đầu bỗng gào lên.

- Coi chừng! Nó dứt đứt dây thép đấy! Nó đang thoát ra đấy!

Dưới ánh đèn sáng rực, họ khiếp đảm nhìn thấy con quái vật dường như đang ép mình chảy qua các mắt lưới bằng dây thép gai giống như một khối bùn lỏng.

Cách đó chỉ vài mét về phía trước đã là bãi biển dốc xuống và những con sóng đang ì ầm vỗ vào bờ.

Ai nấy đều há hốc mồm, sợ hãi mất hết hồn vía khi con quái vật bằng một cú giật mạnh về phía trước đã ép mình trôi qua hàng rào. Nó làm hàng rào đổ nghiêng hẳn đi, dây thép bị gấp lại, và dường như một vài mảnh thân thể của nó vẫn còn bỏ lại trên dây thép gai.

Khi nó di chuyển ra xa và lao vào vùng cát ướt nối liền với mặt biển thì một người trong số lính gác lao tới cho đến khi anh ta chạm vào hàng rào. Quỳ gối, anh ta nhắm vào con quái vật đang chạy trốn.

Một giây sau, một vòi lửa lớn phụt ra từ khẩu súng của anh ta và làm bùng lên một đám lửa đỏ ngay chỗ sinh vật nọ ở bên kia hàng rào.

Một đụn khói đen kịt bốc lên cuồn cuộn trong đêm tối. Mùi hôi thối nồng nặc kinh khủng lan ra khắp bãi biển. Những người gác nhìn thấy một khối cầu cháy sáng đang vặn vẹo bò đi phía bên kia hàng rào. Người lính bắn súng phun lửa vẫn ghi cò súng không thương xót.

Có những tiếng nổ lụp bụp, tiếng xèo xèo. Những cuộn khói lớn dày đặc bốc lên bầu trời đêm. Cái mùi không thể tả được giờ đây càng trở nên không chịu nổi.

Khi người lính bắn hết nhiên liệu trong khẩu súng thì ở đó không còn nhìn thấy cái gì ngoài những sợi dây thép gai nóng chảy trên hàng rào, và một khoảng cát lớn cháy xém, và tất nhiên là cả cái mùi hôi thối đặc quánh đang quện lại trong không gian.

Con quái vật thân mềm nhầy nhụa này ghét ánh sáng là phải - vì cái điểm kết thúc cuối cùng của nó là ngọn lửa - kẻ thù vô danh tối hậu mà ngay cả con thủy quái này cũng không thể nào quật ngã và nuốt sống được.